BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

PHAN MINH NGUYỆT

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

PHAN MINH NGUYỆT

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM

Chuyên ngành : Kế toán

Mã ngành : 8.34.03.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHAN THỊ THU MAI

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân Em, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Em xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Học viên

Phan Minh Nguyệt

LỜI CẢM ƠN

Em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ban lãnh đạo Trường Đại học Lao động Xã hội, Khoa Sau đại học, các thầy giáo, cô giáo của trường đã đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu để Em thực hiện luận văn này.

Em xin được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Giảng viên TS Phan Thị Thu Mai, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ báo giúp đỡ Em trong suốt quá trình thực hiện và hoàn chỉnh luận văn.

Em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy, cô giáo trong Hội đồng bảo vệ luận văn đã chỉ dẫn, bổ sung những ý kiến quý báu giúp Em nhận thức sâu sắc hơn nội dung nghiên cứu.

Em xin trân trọng cảm ơn các nhà quản lý, cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam đã tạo điều kiện cung cấp cho Em những số liệu và thông tin hữu ích để thực hiện luận văn.

Sau cùng, Em xin chân thành cảm ơn gia đình, những người bạn, người đồng nghiệp đã động viên, khích lệ và giúp đỡ Em trong quá trình nghiên cứu và thực hiện luận văn.

Một lần nữa, Em xin phép được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc của mình!

Học viên

Phan Minh Nguyệt

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN ..... **I**
LỜI CẢM ƠN ..... **II**
MỤC LỤC ..... **III**
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT ..... **VII**
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU ..... **VIII**
LỜI NÓI ĐẦU **1**
1.Sự cần thiết của đề tài **1**
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài **2**
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu **3**
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu **4**
5. Phương pháp nghiên cứu **4**
6. Những đóng góp mới của luận văn **5**
7. Kết cấu của luận văn **5**
CHƯƠNG 1:CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT **6**
1.1.Những vấn đề cơ bản về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm **6**
1.1.1.Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm **6**
1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 8
1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 14
1.1.4. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất 15
1.1.5. Đối tượng, phương pháp tính giá thành 17
1.1.6. Đánh giá sản phẩm dở dang 21
1.2.Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán tài chính **23**

1.2.1. Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên 23
1.2.2. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ 28
1.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán quản trị 29
1.3.1. Phân loại chi phí dưới góc độ KTQT 29
1.3.2. Lập dự toán chi phí sản xuất và xác định giá thành sản phẩm 32
1.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm 37
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 41
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM 42
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam 42
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam..... 42
2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm 43
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty 46
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty 49
2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam trên góc độ kế toán tài chính 54
2.2.1. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trên góc độ kế toán tài chính 54
2.2.2.Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm 55
2.2.3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí: 55
2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất sản phẩm tại công ty 55
2.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ 62
2.2.6. Tính giá thành sản phẩm 63

2.3.Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam trên góc độ kế toán quản trị 64
2.3.1.Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm..... 64
2.3.2. Xây dựng định mức chi phí..... 64
2.3.3. Lập dự toán chi phí sản xuất 66
2.4. Nhận xét, đánh giá về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty 69
2.4.1. Những ưu điểm trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty 69
2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân 71
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2..... 74
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM 75
3.1. Yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam 75
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty 78
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam dưới góc độ kế toán tài chính. 78
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam dưới góc độ kế toán quản trị. 80
3.3. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam 83
3.3.1 Về phía nhà nước…….83
3.3.2 Về phía doanh nghiệp ……...84
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3..... 86

KẾT LUẬN 87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO……..... ……88
PHỤ LỤC 89

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG VIỆT
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
CP	Chi phí
CPSX	Chi phí sản xuất
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
NCTT	Nhân công trực tiếp
SXC	Sản xuất chung
NVL	Nguyên vật liệu
DN	Doanh nghiệp
KTTC	Kế toán tài chính
KTQT	Kế toán quản trị
PX	Phân xưởng
SPDD	Sản phẩm dở dang
SP	Sản phẩm
SX	Sản xuất
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất…… 48
Sơ đồ 2.2. Bộ máy quản lý tại công ty…… .49
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty…….52
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy trên phần mềm Misa……54

LỜI NÓI ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt hơn, có rất nhiều công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia hình thành tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trên trị trường. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập mạnh mẽ và chịu tác động của toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt tạo nên sức ép rất lớn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất trong nước, Để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì hoạt động sản xuất kinh doanh ít nhất phải bù đắp được chi phí sản xuất vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm để giành được lợi thế cạnh tranh trên thị trường luôn là một câu hỏi hóc búa của tất cả các doanh nghiệp và Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam không phải ngoại lệ.

Để doanh nghiệp có thể tồn tại và chiến thắng trong sự cạnh tranh gay gắt hiện nay, các nhà quản trị phải kiểm soát tốt chi phí, đặc biệt là chi phí sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm từ đó giúp giảm giá vốn hàng bán, tăng lợi nhuận, nâng cao tỷ suất sinh lời để thu hút nhà đầu tư. Để làm được điều này thì kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải được tổ chức khoa học, hợp lý, phải cung cấp được các thông tin nhanh, hiệu quả phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nhà quản trị. Như vậy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu hết sức quan trọng. Chính vì vậy mà việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một yêu cầu thiết yếu và luôn là một vấn đề nóng bỏng đối với các doanh nghiệp. Trong khi đó, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam vẫn chưa được hoàn thiện đầy đủ và quan tâm đúng mức.

Vì vậy nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra các biện pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam hiện nay có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Từ lý do trên, em chọn đề tài " Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam " làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình với mong muốn tìm ra những giải pháp hữu ích góp phần vào công việc đổi mới phương thức quản lý của Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đã có rất nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu các vấn đề về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Việt Nam. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như sau:

Ngô Quang Hùng (2018), " Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp thuộc tập đoàn hóa chất Việt Nam", Luận án tiến sỹ, Học viện tài chính. Trên cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp thuộc tập đoàn hóa chất nói riêng, luận án hệ thống hóa và bổ sung các vấn đề mang tính chất lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn hóa chất Việt Nam. Sau đó, Luận án nghiên cứu, phân tích tổng hợp và đánh giá thực tiễn kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn hóa chất cũng như phân tích được các nguyên nhân dẫn tới thực trạng như vậy. Trên cơ sở của lý luận đã hệ thống và thực trạng đã phân tích, Luận án nghiên cứu và đề xuất các phương hướng, giải pháp để Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp thuộc tập đoàn hóa chất Việt Nam.

Hà Thị Nụ (2017), "Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam", Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Lao động và Xã Hội. Luận văn đã hệ thống hoá những nội dung cơ bản về chi phí sản xuất và

tính giá thành trong đơn vị sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, luận văn đi sâu tìm hiểu và đánh giá thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩn tại công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam, qua đó chỉ ra những hạn chế trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành tại chính đơn vị nghiên cứu. Từ đó, đưa ra các giải pháp mang tính khả thi nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nồi hơi Việt Nam

Nguyễn Thị Nga (2019), "Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần 199", Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Lao động và Xã Hội . Luận văn đã làm rõ lý luận cơ bản về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Sau đó, đi sâu phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí của đơn vị này.

Như vậy đã có nhiều đề tài nghiên cứu của nhiều tác giả về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, tất cả các nghiên cứu về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm đã được công bố là những nghiên cứu chuyên sâu về kế toán chí và tính giá thành tại một đơn vị cụ thể và có tính đặc thù riêng. Thêm vào đó, chưa có công trình nào nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam được công bố. Luận văn tập trung nghiên cứu lý luận về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm ở cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, phân tích đặc điểm của tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Luận văn cũng tập trung nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam dưới hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, từ đó nêu ý kiến đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty này.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng rõ lí luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung.

- Làm rõ thực tế về tình hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam .

- Đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về mặt không gian: Quá trình nghiên cứu và thực hiện tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam

+ Về mặt thời gian: Nguồn số liệu liên quan tới luận văn được thu thập từ công ty cổ phần Fortuna Việt Nam năm 2019.

+ Về nội dung: Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn **s**ử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- **Phương pháp thu thập dữ liệu**: tác giả thu thập dữ liệu trực tiếp từ đơn vị bao gồm cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.

- *Dữ liệu sơ cấp*: Trong quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam tác giả đã trực tiếp quan sát đồng thời học hỏi quy trình làm việc, cách quản lý, hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm về công tác luân chuyển, xử lý chứng từ tại phòng kế toán của công ty. Để đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty và đưa ra các kiến nghị, đề xuất những giải pháp giúp công ty hoàn thiện hơn trong công tác kế toán.

- *Dữ liệu thứ cấp*: Các tài liệu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Các tài liệu sẵn có tại công ty CP Fortuna Việt Nam: Các tài liệu giới thiệu về công ty, quy chế tài chính, mục tiêu chiến lược hoạt động của công ty; Các

báo cáo tài chính và báo cáo quản trị trong các năm từ 2017 đến năm 2019; Các chứng từ, sổ sách báo cáo kế toán có liên quan đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm…

- **Phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu**: đối với các dữ liệu thu được tác giả tiến hành thống kê, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phân tích số liệu để phản ánh các kết quả của thực trạng tại Công ty

6. Những đóng góp mới của luận văn

- *Về mặt lý luận*: Luận văn góp phần hệ thống hoá về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- *Về mặt thực tiễn*: Trên cơ sở tìm hiểu và nghiên cứu tình hình thực tế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam, những kiến nghị đưa ra đã giải quyết một số vấn đề tồn tại nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

7. Kết cấu của luận văn

Đề tài luận văn được thực hiện ngoài phần mục lục, danh mục các bảng biểu sơ đồ, phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá tình sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá tình sản phẩm tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

CHƯƠNG 1:
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề cơ bản về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về chí phí khi đứng trên các góc độ xem xét Theo chuẩn mực kế toán số 1 (VAS 1): "Chi phí là các yếu tố làm giảm các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ, dưới hình thức các khoản tiền chi ra hoặc giảm tài sản, hoặc làm phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm nguồn vốn chủ sở hữu nhưng không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu". Theo định nghĩa này, chi phí được xem xét theo từng kỳ kế toán và là các khoản mục trong báo cáo tài chính. Theo đó thì chi phí được ghi nhận, phản ánh theo những nguyên tắc nhất định. Định nghĩa chi phí như vậy phù hợp khi đứng trên góc độ của đối tượng sử dụng thông tin kế toán tài chính, chủ yếu là đối tượng ngoài doanh nghiệp.

Vậy để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mình các doanh nghiệp phải huy động, sử dụng các nguồn lực như lao động, vật tư, tiền vốn...để tạo ra sản phẩm hay hoàn thành công việc, lao vụ của mình. Những chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành sản xuất sản phẩm, hoàn thành công việc, lao vụ đó được gọi là chi phí sản xuất. Chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng để phục vụ cho nhu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh phải được tập hợp theo từng thời kỳ: tháng, quý, năm.

Trên góc độ kế toán tài chính*:* Chi phí sản xuất hay chi phí chế tạo sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí liên quan tới việc sản xuất, chế tạo sản phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất. Toàn bộ các chi phí này được tính vào giá thành sản phẩm. Chỉ những chi phí dùng để tiến hành các hoạt động sản xuất mới được coi là chi phí sản xuất và là bộ phận quan trọng trong chi phí SXKD của DN. Chi phí sản xuất gồm nhiều khoản mục khác nhau, thông thường gồm: CP nguyên vật liệu trực tiếp, CP nhân công trực tiếp, CP sản xuất chung.

Trên góc độ kế toán quản trị: chi phí có thể là dòng phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động hàng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra, ra quyết định, chi phí cũng có thể là dòng phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi do chọn lựa phương án, hy sinh cơ hội kinh doanh. Như vậy, theo khái niệm này chi phí có thể đã thực tế phát sinh (đã thực hiện), cũng có thể chưa thực hiện, chưa phát sinh mà mới chỉ ước tính, có thể là những cơ hội bị mất đi do chúng ta đã lựa chọn một cơ hội khác. Theo đó, chi phí không phải gắn liền với một kỳ cụ thể nào mà nó được xem xét gắn liền với các phương án, cơ hội kinh doanh, gắn liền với một quyết định cụ thể mà nhà quản trị phải đưa ra. Chi phí là các hy sinh về các lợi ích kinh tế. Theo đó chi phí phản ánh các nguồn lực mà đơn vị sử dụng để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ. Như vậy, chi phí trong kế toán quản trị, được sử dụng trong nhiều trường hợp khác nhau, phạm vi của khái niệm chi phí rộng hơn rất nhiều so với quan điểm của kế toán tài chính. Bởi lẽ có rất nhiều loại chi phí và những chi phí này được sắp xếp, phân loại theo nhiều tiêu thức tùy theo nhu cầu thông tin cần cho việc ra quyết định.

1.1.1.2. Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa và các chi phí bằng tiền khác có liên quan đến khối lượng sản phẩm, công việc và lao vụ đã hoàn thành.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp

hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất. Như vậy, giá thành sản phẩm là chi phí sản xuất tính cho một khối lượng sản phẩm, dịch vụ nhất định sản xuất hoàn thành. Giá thành là chỉ tiêu phản ánh kết quả sử dụng, kết hợp các yếu tố đầu vào của sản xuất trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như sự phù hợp của những biện pháp quản lý sản xuất của doanh nghiệp

1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại nhiều thứ khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh cần phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp. Chi phí sản xuất kinh doanh thường được phân loại, nhận diện theo những tiêu thức sau:

Phân loại chi phí sản xuất căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí.

Theo cách phân loại này người ta sắp xếp các chi phí có cùng nội dung và tính chất kinh tế vào một loại gọi là yếu tố chi phí, mà không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu và có tác dụng như thế nào. Cách phân loại này còn được gọi là phân loại chi phí theo yếu tố.

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất bao gồm các yếu tố:

- *Chi phí NVL:* Yếu tố chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ. Yếu tố này bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.

- *Chi phí nhân công:* Yếu tố chi phí nhân công là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản phải trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

- *Chi phí khấu hao máy móc thiết bị:* Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác bằng tiền:* Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp ngoài các yếu tố nói trên.

Phân loại chi phí theo yếu tố có tác dụng cho biết nội dung, kết cấu tỷ trọng của từng loại chi phí mà doanh nghiệp đã sử dụng vào quá trình sản xuất trong tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Số liệu chi phí sản xuất theo yếu tố là cơ sở để xây dựng các dự toán chi phí sản xuất, xác định nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, xây dựng các kế hoạch về lao động, vật tư, tài sản… trong doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo mục đích và công dụng của chi phí :

Căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí sản xuất để sắp xếp các khoản chi phí sản xuất có cùng mục đích, công dụng kinh tế vào trong cùng một khoản mục chi phí sản xuất, không phân biệt chúng có nội dung, tính chất kinh tế như thế nào. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ dịch vụ.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất, các khoản trích theo tiền lương của công nhân sản xuất như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.

- *Chi phí sản xuất chung*: Chi phí sản xuất chung là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, đội sản xuất. Chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố của chi phí sản xuất sau:

+ *Chi phí nhân viên phân xưởng*: Bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, đội sản xuất.

+ *Chi phí vật liệu*: Bao gồm chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng sản xuất với mục đích là phục vụ và quản lý sản xuất.

+ *Chi phí dụng cụ*: Bao gồm chi phí về công cụ, dụng cụ dùng ở phân xưởng để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất.

+ *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất quản lý và sử dụng.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Bao gồm chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của phân xưởng, đội sản xuất.

+ *Chi phí khác bằng tiền*: Là các khoản chi trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng sản xuất.

Phân loại theo mục đích và công dụng của chi phí là cơ sở để quản lý chi phí theo định mức; là cơ sở để tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành theo khoản mục; là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và xây dựng định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

Phân loại chi phí sản xuất theo đầu vào của quá trình sản xuất ở doanh nghiệp:

Khi xem xét chi phí sản xuất trên cơ sở đầu vào của quá trình sản xuất ở doanh nghiệp thì chi phí sản xuất được chia thành hai loại:

- *Chi phí ban đầu*: là chi phí doanh nghiệp phải lo liệu, mua sắm, chuẩn bị từ lúc đầu để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí luân chuyển nội bộ*: là các chi phí phát sinh trong quá trình phân công và hợp tác lao động trong nội bộ doanh nghiệp.

Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ và khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí sản xuất:

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia ra thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp:* Là những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí (như từng loại sản phẩm, công việc, hoạt động, đơn đặt hàng…); chúng ta có thể quy nạp trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp:* là các chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau nên không thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí được, mà phải tập hợp theo nơi phát sinh chi phí khi chúng phát sinh, sau đó quy nạp cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

Việc phân chi phí theo cách phân loại này chỉ có ý nghĩa tương đối trong doanh nghiệp nó phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm quá trình sản xuất, đặc điểm yêu cầu và trình độ quản lý của từng doanh nghiệp cụ thể. Khi phân bổ chi phí cho từng đối tượng, doanh nghiệp cần phải lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ phù hợp.

Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng hoạt động:

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành: Chi phí khả biến, chi phí bất biến và chi phí hỗn hợp.

- *Chi phí biến đổi:* là những chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi mức hoạt động của doanh nghiệp. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất; số lượng sản phẩm tiêu thụ; số giờ máy hoạt động; doanh thu bán hàng thực hiện… Trong doanh nghiệp sản xuất, có các loại biến phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí năng lượng…

- *Chi phí cố định* Là những chi phí mà về tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của đơn vị. Như vậy dù doanh nghiệp có hoạt động hay không vẫn tồn tại định phí.

- *Chi phí hỗn hợp*: Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố của định phí và biến phí.

Việc phân chia chi phí theo cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quản lý chi phí sản xuất tại doanh nghiệp, nó là cơ sở thiết kế và xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận; là cơ sở để phân tích xác định điểm hòa vốn; là cơ sở để ra các quyết định quan trọng khác trong kinh doanh.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng yêu cầu của quản lý và hạch toán, giá thành sản phẩm được phân chia thành nhiều loại, tùy theo tiêu thức sử dụng để phân loại giá thành:

- Phân loại giá thành sản phẩm theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành.
- Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành.
- Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi tính toán chi phí trong giá thành.

Phân loại giá thành sản phẩm theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành.

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia làm 3 loại:

- *Giá thành sản phẩm kế hoạch*: Là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch bao giờ cũng được tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ.

- *Giá thành sản phẩm định mức:* là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế- kỹ thuật của từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

-*Giá thành sản phẩm thực tế:* Là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ. Giá thành

thực tế chỉ có thể tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành.

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được phân biệt thành 2 loại sau:

- *Giá thành sản xuất sản phẩm:* Bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm đã sản xuất hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng để hạch toán thành phẩm, giá vốn hàng bán và mức lãi gộp trong kỳ của doanh nghiệp.

- *Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ:* Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Chỉ tiêu này là căn cứ tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế.

Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi chi phí trong giá thành.

Theo cách phân loại này chi phí giá thành sản phẩm được chia làm 3 loại:

- *Giá thành toàn bộ sản phẩm:* Là giá thành được xác định bao gồm toàn bộ các chi phí cố định và chi phí biến đổi mà doanh nghiệp đã sử dụng phục vụ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. theo phương pháp này, toàn bộ chi phí biến đổi và chi phí cố định được phân bổ hết cho số sản phẩm hoàn thành trong kỳ, nên phương pháp này còn được gọi là phương pháp định phí toàn bộ.

- *Giá thành sản phẩm theo biến phí:* Là loại giá thành được xác định chỉ bao gồm các chi phí biến đổi kể cả các chi phí biến đổi trực tiếp và chi phí biến đổi gián tiếp. theo phương pháp này, toàn bộ chi phí cố định được xem như chi phí

thời kỳ và được kết chuyển toàn bộ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối kỳ.

- *Giá thành sản phẩm có phân bổ hợp lý chi phí cố định:* Bao gồm 2 bộ phận:

+ Toàn bộ chi phí biến đổi (kể cả các chi phí biến đổi trực tiếp và chi phí biến đổi gián tiếp).

+Một phần chi phí cố định được xác định trên cơ sở mức độ hoạt động thực tế so với mức độ hoạt động tiêu chuẩn (được xác định theo công suất thiết kế hoặc định mức).

1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành là 2 khái niệm khác nhau tuy nhiên chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau. Về mặt bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng giống nhau về chất vì cùng là biểu hiện bằng tiền của những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí sản xuất trong kỳ là căn cứ để tính giá thành sản phẩm, công việc đã hoàn thành. Sự tiết kiệm hay lãng phí về chi phí sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm cao hay thấp.

Tuy nhiên, chúng khác nhau về lượng. Chi phí sản xuất chỉ tính những chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra cho quá trình sản xuất trong một thời kỳ nhất định không phân biệt chi phí đó có liên quan đến loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa, không gắn liền với chủng loại và khối lượng sản phẩm lao vụ đã hoàn thành, còn giá thành sản phẩm là số chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm, lao vụ dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ. Mặt khác, chi phí sản xuất chỉ tính cho một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm xác định trên cơ sở chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và gồm cả chi phí sản xuất phát sinh kỳ trước chuyển sang kỳ sau.

Công thức tính giá thành:

Giá thành sản phẩm hoàn thành	=	CPSX dở dang đầu kỳ	+	CPSX phát sinh trong kỳ	-	CPSX dở dang cuối kỳ

Như vậy chi phí chính là cơ sở để xác định giá thành, vì vậy việc quản lý chi phí có tốt hay không ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định giá thành sản phẩm hoàn thành, vì vậy việc quản lý giá thành sản phẩm luôn gắn chặt với quản lý chi phí sản xuất.

1.1.4. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

1.1.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Để xác định đúng đắn đối tượng kế toán tập hợp chi phí cần căn cứ vào vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất sản phẩm, khả năng, trình độ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Từ những căn cứ nói trên, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là: Từng phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất hoặc toàn doanh nghiệp, từng giai đoạn công nghệ hoặc toàn bộ quy trình công nghệ, từng sản phẩm, đơn đặt hàng, từng nhóm sản phẩm hoặc bộ phận, chi tiết sản phẩm.

Tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng qui định có tác dụng phục lý sản xuất, hạch toán kinh tế nội bộ và giá thành sản phẩm kịp thời chính xác.

1.1.4.2. Các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí là cách thức kế toán sử dụng để tập hợp, phân loại các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong một kỳ theo các đối tượng tập hợp chi phí đã cố định. Trong thực tế có hai phương pháp tập hợp chi phí như sau:

- ***Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp***

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp các khoản chi phí có liên quan đến từng đối tượng riêng biệt. Vì vậy, kế toán có thể tập hợp trực tiếp chi phí vào đối tượng chịu chi phí.

Phương pháp này đòi hỏi phải có một hệ thống kế toán ban đầu chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí để trên cơ sở chứng từ gốc kế toán ghi vào các tài khoản chi tiết hoặc tổng hợp có liên quan. Phương pháp này có ưu điểm là tập hợp chi phí chính xác, được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất ít sản phẩm.

- Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được nên phải tập trung cho nhiều đối tượng. Sau đó, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự.

- Xác định hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn dùng phân bổ}}$$

- Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$Ci = Ti \times H$$

Trong đó: Ci là chi phí phân bổ cho từng đối tượng i

Ti là tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

H là hệ số phân bổ

Sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp tính chính xác, hợp lý của chi phí phân bổ cho từng đối tượng tuỳ thuộc vào việc lựa chọn tiêu chuẩn dùng để phân bổ. Tiêu chuẩn phân bổ phải thể hiện quy luật biến động của chi phí cần phân bổ và nó được xác định tuỳ thuộc vào từng trường hợp và mục đích của nhà quản lý.

Khi nghiên cứu các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, một vấn đề nữa cần phải xác định rõ, đó là: không có nghĩa chi phí trực tiếp thì được tập hợp trực tiếp, chi phí gián tiếp thì phải phân bổ gián tiếp mà ngay cả chi phí trực tiếp nhiều khi cũng phân bổ gián tiếp cho các đối tượng chịu chi phí, mà không thể tập hợp trực tiếp được. Điều quan trọng quyết định vấn đề tập hợp trực tiếp hay phân bổ

gián tiếp là do mối quan hệ của các khoản chi phí phát sinh với đối tượng chịu chi phí và việc tổ chức chứng từ hạch toán ban đầu.

1.1.5. Đối tượng, phương pháp tính giá thành

1.1.5.1. Đối tượng tính giá thành

Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Do đó đối tượng tính giá thành cụ thể trong các doanh nghiệp là:

- Từng sản phẩm, công việc, đơn đặt hàng đã hoàn thành
- Từng chi tiết, bộ phận sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán tổ chức các bảng tính giá thành sản phẩm lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp, tổ chức công nghệ tính giá thành hợp lý, phục vụ việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.1.5.2. Phương pháp tính giá thành

- **Phương pháp giản đơn**

Phương pháp này áp dụng thích hợp đối với những sản phẩm, công việc có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn khép kín, sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn. Đối tượng hạch toán chi phí ở các DN này là từng loại sản phẩm, dịch vụ:

Công thức tính:

$$\textit{Tổng giá thành sản phẩm} = \textit{Chi phí sản xuất spdd đầu kỳ} + \textit{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \textit{Chi phí sản xuất sản phẩm dd cuối kỳ}$$

$$\textit{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\textit{Tổng giá thành sản phẩm}}{\textit{Khối lượng công việc hoàn thành}}$$

Phương pháp trực tiếp được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, nhà máy điện, nước…

- **Phương pháp hệ số**

Phương pháp này được áp dụng khi trong một quy trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng tạo ra nhiều loại sản phẩm chính khác nhau mà giữa các sản phẩm này có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm có hệ số là 1 gọi là sản phẩm gốc). Kế toán quy đổi các sản phẩm về sản phẩm gốc từ đó dựa vào chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

Công thức tính:

$$\textit{Giá thành đơn vị từng loại sản phẩm} = \textit{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} \times \textit{Hệ số quy đổi}$$

$$\textit{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\textit{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm}}{\textit{Tổng số sản phẩm gốc hoàn thành (kể cả quy đổi)}}$$

$$\textit{Tổng số sản phẩm gốc hoàn thành} = \textit{Tổng số lượng sản phẩm hoàn thành từng loại} \times \textit{Hệ số quy đổi của từng loại sản phẩm}$$

- **Phương pháp tỷ lệ**

Phương pháp này được áp dụng khi trong một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính nhưng giữa chúng không có hệ số quy đổi. Vì vậy phải xác định tỷ lệ giữa tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch (định mức) để qua đó xác định giá thành cho từng loại sản phẩm.

Công thức tính:

$$\textit{Tổng giá thành thực tế của từng loại sản phẩm} = \textit{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của từng loại sản phẩm} \times \textit{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\textit{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\textit{Tổng giá thành thực tế của tất cả các loại sp}}{\textit{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của tất cả các loại sp}}$$

- **Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp mà sản phẩm hoàn thành bao gồm nhiều chi tiết bộ phận cấu thành, những chi tiết bộ phận sản phẩm được sản xuất ở nhiều phân xưởng, nhiều giai đoạn công nghệ khác nhau. Cuối cùng lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh, theo phương pháp này giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

Công thức tính:

Giá thành sản phẩm hoàn thành = Dđk + Z1 + Z2 + Z3 +..... + Zn – Dck

Trong đó:

Z1, Z2, Z3, Zn: là chi phí sản xuất từng chi tiết, bộ phận ở giai đoạn công nghệ hoặc phân xưởng thứ 1, 2, 3,.....,n

- **Phương pháp loại trừ chi phí (hay gọi là phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ)**

Phương pháp này được sử dụng đối với các doanh nghiệp mà trong quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính vừa tạo ra sản phẩm phụ. Để tính giá trị sản phẩm chính, kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá trị sản phẩm phụ có thể xác định theo nhiều phương pháp như giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu…

Công thức tính:

Tổng giá thành sản phẩm chính	=	*Giá trị sản phẩm chính dd đầu kỳ*	+	*Tổng chi phí phát sinh trong kỳ*	-	*Giá trị sản phẩm chính dd cuối kỳ*	-	*Giá trị sản phẩm phụ thu hồi ước tính*

- **Phương pháp phân bước**

Phương pháp này được áp dụng đối với các doanh nghiệp có đặc điểm quy trình sản xuất là sản phẩm hoàn thiện trải qua nhiều công đoạn, nhiều phân xưởng mà đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm hoàn thành ở từng công đoạn.

Công thức tính:

Zi = DDđki + PSi - DDcki

Trong đó:

Zi: Giá thành sản phẩm ở công đoạn, phân xưởng thứ i

DDđki: Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ ở công đoạn, phân xưởng thứ i

PSi: Chi phí phát sinh sản xuất sản phẩm ở công đoạn, phân xưởng thứ

Chi phí này bao gồm: chi phí sản xuất sản phẩm hoàn thành ở công đoạn, phân xưởng thứ (i-1) chuyển sang cộng với chi phí phát sinh ở công đoạn thứ i.

DDcki: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ ở công đoạn, phân xưởng thứ i

- **Phương pháp liên hợp**

Là phương pháp áp dụng trong những doanh nghiệp có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành sản phẩm phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Ví dụ có thể kết hợp phương pháp trực tiếp với tổng cộng chi phí, tổng cộng chi phí với tỷ lệ, hệ số với loại trừ sản phẩm phụ…

- **Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng**

Phương pháp này áp dụng để tính giá thành sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Chi phí sản xuất được tập hợp theo kỳ, sau khi hoàn thành công việc sản xuất của từng đơn đặt hàng, chúng được tổng hợp để tính giá thành sản phẩm.

Tổng giá thành thực tế của đơn đặt hàng	=	*Tổng CP thực tế tập hợp theo từng đơn đặt hàng đến thời điểm cv hoàn thành*	-	*Giá trị các khoản điều chỉnh giảm giá thành*

1.1.6. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, chế biến đang nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một số quy trình chế biến nhưng còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm (bán thành phẩm).

Đánh giá sản phẩm dở dang là việc tính toán, xác định chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu. Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang có thể được đánh giá theo một trong những phương pháp sau:

1.1.6.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, chỉ tính cho SPDD cuối kỳ phần chi phí NVL trực tiếp hoặc chi phí NVL chính trực tiếp, còn chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Trường hợp doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất, chế biến sản phẩm phức tạp kiểu liên tục thì giá trị SPDD cuối kỳ của giai đoạn 2 trở đi được đánh giá theo giá trị của bán thành phẩm của giai đoạn trước chuyển sang.

Chi phí NVL chính dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức:

$$\textit{Chi phí NVL chính phân bổ Cho SPDD cuối kỳ} = \frac{\textit{Chi phí NVL chính của SPDD đầu kỳ} + \textit{Chi phí NVL chính phát sinh trong kỳ}}{\textit{Số lượng thành phẩm} + \textit{Số lượng SPDD cuối kỳ}} \times \textit{Số lượng SPDD cuối kỳ}$$

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có chi phí NVLTT (nguyên vật liệu chính) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Như vậy vẫn đảm bảo được mức độ chính xác, đơn giản và giảm bớt được khối lượng tính toán. Tuy nhiên độ chính xác không cao vì giá trị SPDD cuối kỳ chỉ bao gồm phần chi phí NVLTT.

1.1.6.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành đương đương

Theo phương pháp này, căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến hoàn thành của chúng, để quy đổi khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương sau đó lần lượt tính từng khoản chi phí cho sản phẩm dở dang cuối kỳ sau.

Đối với chi phí sản xuất bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí vật liệu chính trực tiếp sản xuất tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$\text{Chi phí NVL chính phân bổ cho SPDDCK} = \frac{\text{CP NVL chính của DDĐK} + \text{CP NVL chính phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm} + \text{Số lượng SPDDCK}} \times \text{Số lượng SPDDCK}$$

Đối với các CP bỏ dần vào quá trình sản xuất theo mức độ chế biến như CP NCTT, CP SXC thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$\text{CP khác phân bổ cho SPDDCK} = \frac{\text{CP khác của DDĐK} + \text{CP khác phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm} + \text{Số lượng SPHTTĐ}} \times \text{Số lượng SPHTTĐ}$$

Trong đó:

Số lượng SP HTTĐ = Số lượng SP làm dở x Mức độ hoàn thành (%)

1.1.6.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Phương pháp này được tiến hành trên cơ sở các định mức chi phí sản xuất đã được xây dựng cho từng giai đoạn. Căn cứ vào định mức chi phí sản xuất ở từng giai đoạn và căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang kiểm kê vào cuối kỳ để tính giá trị sản phẩm dở dang theo công thức:

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ ở giai đoạn chế biến thứ i} \times \text{Chi phí chế biến định mức cho 1 SPDD ở giai đoạn chế biến thứ i}$$

Phương pháp này ưu điểm là tính toán nhanh do có chi phí định mức đã lập từ trước, nhưng có nhược điểm là mức độ chính xác không cao và chi phí thực tế không thể đúng như chi phí định mức được. Đối với phương pháp này chỉ phù hợp

với những doanh nghiệp đã xây dựng được định mức chi phí sản xuất một cách khoa học cho từng giai đoạn và việc quản lý chi phí sản xuất được tiến hành chặt chẽ.

1.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán tài chính

1.2.1. Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm giá trị nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu…được xuất dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.

Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, lao vụ...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó.

Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

$$\text{Chi phí NVL phân bổ cho từng đối tượng (hoặc sản phẩm)} = \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng (hoặc sản phẩm)} \times \text{Tỷ lệ phân bổ}$$

$$\text{Tỷ lệ phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}}$$

- *Chứng từ kế toán sử dụng:*

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp căn cứ vào phiếu xuất kho, các chứng từ có liên quan để xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp thích hợp mà đơn vị lựa chọn của số NVL dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để phản ánh chi phí NVL sử dụng trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông, lâm, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

- *phương pháp hạch toán:*

Chỉ hạch toán vào TK 621 những chi phí NL, VL được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất chi phí nguyên liệu, vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng.

Trong kỳ kế toán thực hiện việc ghi chép, tập hợp chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vào bên Nợ tài khoản 621 “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp" theo từng đối tượng sử dụng trực tiếp các nguyên liệu, vật liệu này (nếu khi xuất nguyên liệu, vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, xác định được cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng); hoặc tập hợp chung cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện dịch vụ (nếu khi xuất sử dụng nguyên liệu, vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ không thể xác định cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng).

Cuối kỳ kế toán, thực hiện kết chuyển (nếu nguyên liệu, vật liệu đã được tập hợp riêng biệt cho đối tượng sử dụng), hoặc tiến hành tính phân bổ và kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu (Nếu không tập hợp riêng biệt cho từng đối tượng sử dụng) vào tài khoản 154 phục vụ cho việc tính giá thành thực tế của sản phẩm, dịch vụ trong kỳ kế toán. Khi tiến hành phân bổ trị giá nguyên liệu, vật liệu vào giá thành sản phẩm, doanh nghiệp phải sử dụng các tiêu thức phân bổ hợp lý như tỷ lệ theo định mức sử dụng,...

Khi mua nguyên liệu, vật liệu, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì trị giá nguyên liệu, vật liệu sẽ không bao gồm thuế GTGT. Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì trị giá nguyên liệu, vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường không được tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ mà phải kết chuyển ngay vào TK 632 "Giá vốn hàng bán".

Trình tự hạch toán chi phí NVLTT được thể hiện cụ thể tại ***phụ lục 1.1***

1.2.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các hoạt động lao vụ dịch vụ bao gồm: Tiền lương chính, tiền lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, độc hại, phụ cấp làm thêm giờ, làm đêm...), các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của công nhân sản xuất

-*Chứng từ kế toán sử dụng:*

Chi phí tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc hình thức tiền lương sản phẩm hay lương thời gian mà doanh nghiệp áp dụng. Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất cũng như các đối tượng lao động khác thể hiện trên bảng tính lương và thanh toán tiền lương, được tổng hợp phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương do kế toán theo dõi tiền lương thực hiện.

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 622 "Chi phí nhân công trực tiếp" dùng để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm, ngư nghiệp, dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch khách sạn, tư vấn).

- *phương pháp hạch toán:*

Không hạch toán vào tài khoản này những khoản phải trả về tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp... cho nhân viên phân xưởng, nhân viên quản lý, nhân viên của bộ máy quản lý doanh nghiệp, nhân viên bán hàng.

Tài khoản 622 phải mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh.

Phần chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường không được tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ mà phải kết chuyển ngay vào TK632 "Giá vốn hàng bán".

Trình tự hạch toán chi phí NCTT được thể hiện cụ thể tại ***phụ lục 1.2***

1.2.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác (ngoài chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp) phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm, chi phí sản xuất chung bao gồm:

+Chi phí nhân viên phân xưởng: Phản ánh chi phí liên quan phải trả

cho nhân viên phân xưởng, bao gồm: chi phí tiền lương, tiền công, các khoản trích bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn tính cho nhân viên phân xưởng như quản đốc phân xưởng, thủ kho phân phưởng, nhân viên kinh tế...

+Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuộc phân xưởng quản lý, sử dụng vật liệu dùng cho văn phòng phân xưởng.

+Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng sản xuất như mẫu đúc, dụng cụ cầm tay...

+Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao máy móc, thiết bị khấu hao của nhà xưởng, phương tiện vận tải...

+Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa tài sản cố định...

+Chi phí khác bằng tiền

Chi phí sản xuất chung còn phải được tổng hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi

+Chi phí sản xuất chung cố định: Được phân bổ vào chi phí chế biến của mỗi đơn vị sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh, và ngược lại thì phần chi phí sản xuất chung không được phân bổ mà được ghi nhận là giá vốn hàng bán trong kỳ.

+Chi phí sản xuất chung biến đổi: Là chi phí sản xuất gián tiếp thường thay đổi trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất ra như chi phí NVL, chi phí nhân công gián tiếp... Khi phát sinh chi phí sản xuất chung biến đổi được tính hết vào giá thành sản phẩm (được kết chuyển hết vào TK 154)

- *Chứng từ kế toán sử dụng:*

Hóa đơn GTGT dịch vụ mua vào, Phiếu chi, bảng tính lương và trích lương, bảng tính khấu hao Tài sản cố định....

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 627 "Chi phí sản xuất chung" dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường,... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất.

-Phương pháp hạch toán:

Chi phí sản xuất chung thường được hạch toán riêng theo từng địa điểm phát sinh chi phí sau đó mới phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu chuẩn hợp lý như: định mức chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp....

Trình tự hạch toán chi phí SXC được thể hiện cụ thể tại ***phụ lục 1.3***

1.2.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Cuối kỳ, sau khi kế toán tập hợp được chi phí sản xuất trong kỳ theo từng đối tượng, kế toán tiến hành kết chuyển, phân bổ các chi phí này, kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ để thực hiện tính giá thành sản phẩm.

**** Tài khoản sử dụng:***

- Tài khoản chủ yếu: TK 154: "*Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*"

Bên Nợ: + Kết chuyển chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

+ Giá trị vật liệu thuê ngoài chế biến

+ Chi phí thuê ngoài chế biên

Bên Có: + Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

+ Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất trong kỳ

+ Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành

+ Giá thành thực tế vật liệu thuê ngoài chế biến, tự chế hoàn thành

Dư Nợ: + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

+ Chi phí thuê ngoài chế biến hoặc tự chế vật tư chưa hoàn thành

- Tài khoản liên quan: TK621, TK622, TK627, TK155, TK157...

Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thể hiện cụ thể tại ***phụ lục 1.4***

1.2.2. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo phương pháp này kế toán sử dụng TK 611 thay cho TK 152, TK153; TK 631 thay cho TK 154. TK 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" chỉ được sử dụng ở thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ hạch toán để phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Còn các tài khoản khác và các khoản chi phí phát sinh vẫn được tập hợp trên TK 621, TK 622, TK 627 được sử dụng như phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kết cấu tài khoản 631: Giá thành sản xuất

TK 631 "giá thành sản xuất" có nội dung, kết cấu như sau:

- Bên nợ: Kết chuyển giá trị sảm phẩm dở dang đầu kỳ

Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ

- Bên có: Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

Kết chuyển giá thành thực tế sản phẩm hành thành trong kỳ.

Hạch chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện cụ thể tại ***phụ lục 1.5***

1.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán quản trị

Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.

Kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp, như: Chi phí của từng bộ phận (trung tâm chi phí), từng công việc, sản phẩm; phân tích, đánh giá tình hình thực hiện với kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ; phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận; lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định đầu tư ngắn hạn và dài hạn; lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh;... nhằm phục vụ việc điều hành, kiểm tra và ra quyết định kinh tế. Kế toán quản trị là công việc của từng doanh nghiệp, Nhà nước chỉ hướng dẫn các nguyên tắc, cách thức tổ chức và các nội dung, phương pháp kế toán quản trị chủ yếu tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện.

1.3.1. Phân loại chi phí dưới góc độ KTQT

1.3.1.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Theo tiêu thức này, chi phí bao gồm: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất. Trong khoản mục chi phí sản xuất được chia thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

Về nội dung, cách phân loại chi phí sản xuất tương tự như cách phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm trong Kế toán tài chính.

1.3.1.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí phát sinh đến chế tạo sản phẩm hay thời kỳ kinh doanh, chi phí được chia thành: chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Chi phí sản phẩm là chi phí gắn liền với giá trị sản phẩm sản xuất. Chi phí sản phẩm cũng được chia thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

Về nội dung, cách phân loại chi phí sản xuất tương tự như cách phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm trong Kế toán tài chính.

1.3.1.3. Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp quy nạp

Theo tiêu thức này chi phí tồn tại dưới hai hình thức:

- Chi phí trực tiếp: Là những chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí như chi phí NVLTT, chi phí nhân công trực tiếp,… Loại chi phí này thường chiếm một tỷ lệ rất lớn trong tổng chi phí.

- Chi phí gián tiếp: Là những chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí khác nhau như chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhân công phục vụ sản xuất, chi phí mua ngoài,… Để xác định chi phí cho từng đối tượng cần phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

1.3.1.4. Phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí

Phân loại chi phí cách ứng xử của chi phí là cách phân loại đặc biệt chú trọng việc phục vụ cho các nhà quản trị doanh nghiệp hoạch định, kiểm tra và ra quyết định. Cách phân loại này quan tâm đến cách ứng xử chi phí, dựa vào đó để nghiên cứu mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận. Theo tiêu thức này, chi phí gồm:

-Chi phí biến đổi (biến phí): Là những khoản mục chi phí thay đổi tỷ lệ với mức độ hoạt động của đơn vị. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất ra, số lượng sản phẩm tiêu thụ… Tuy nhiên biến phí không phải thuần nhất một hình thức tồn tại mà còn tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau:

+ Biến phí tuyệt đối: Là loại biến phí mà sự biến động của chúng thực sự thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động. Với cách ứng xử này, để thực sự kiểm soát biến phí trên một mức độ hoạt động thì việc hoạch định xây dựng và hoàn thiện định mức biến phí tuyệt đối sẽ là tiền đề tiết kiệm, kiểm soát biến phí và giá thành sản phẩm một cách chặt chẽ hơn.

+ Biến phí cấp bậc: Là loại biến phí mà sự thay đổi của chúng chỉ xảy ra khi mức độ hoạt động đạt tới một mức độ nhất định. Những chi phí này cũng thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động của doanh nghiệp nhưng chúng chỉ thay đổi khi quy mô sản xuất, mức độ hoạt động của máy móc thiết bị đạt đến một phạm vi nhất định.

- Chi phí cố định (định phí): Là những khoản mục chi phí ít thay đổi hoặc không thay đổi theo mức độ hoạt động của đơn vị. Nếu xét trên tổng chi phí, định phí không thay đổi, ngược lại, nếu xét trên một đơn vị mức độ hoạt động thì định phí tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Như vậy, dù doanh nghiệp có hoạt động hay không thì định phí vẫn tồn tại. Có hai loại định phí:

+ Định phí bắt buộc: Là những định phí có tính chất cơ cấu, có liên quan đến cấu trúc tổ chức của một doanh nghiệp mà rất khó thay đổi. Định phí bắt buộc thường gắn liền với kế hoạch dài hạn và chịu sự ràng buộc nhiều năm. Nếu muốn thay đổi loại định phí này cần phải có một thời gian tương đối dài. Định phí bắt buộc có hai đặc điểm cơ bản là chúng tồn tại lâu dài trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không thể cắt giảm đến bằng không trong một thời gian ngắn. Do những đặc điểm trên nên việc dự báo và kiểm soát định phí bắt buộc phải bắt đầu từ lúc triển khai dự án, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp.

+Định phí không bắt buộc: Là những định phí có thể thay đổi nhanh chóng bằng các quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Định phí không bắt buộc liên quan đến kế hoạch ngắn hạn và ảnh hưởng đến dòng chi phí của doanh nghiệp hằng năm.

- Chi phí hỗn hợp: Là những khoản mục chi phí bao gồm các yếu tố biến phí và định phí pha trộn lẫn nhau. Ở một mức độ hoạt động nào đó, chi phí hỗn hợp thể hiện đặc điểm của định phí. Để lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, các nhà quản trị doanh nghiệp cần phải phân tích chi phí hỗn hợp thành định phí và biến phí. Các phương pháp phân tích chi phí thường được áp dụng là phương pháp cực đại, cực tiểu và phương pháp bình phương bé nhất.

1.3.1.5. Phân loại chi phí được sử dụng trong việc lựa chọn phương án

- Chi phí cơ hội: Là chi phí lớn nhất là doanh nghiệp phải từ bỏ khi chọn phương án hành động này thay vì phương án hành động khác.

- Chi phí chênh lệch: Là những chi phí có ở phương án này nhưng không có hoặc chỉ có một phần của phương án khác. Chi phí chênh lệch là một căn cứ quan trọng để lựa chọn phương án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh.

- Chi phí chìm: Là những chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu bất kể đã lựa chọn phương án nào. Do đó, chi phí có ở mọi phương án nên không có tính chênh lệch và không phải xét đến khi so sánh lựa chọn phương án.

1.3.2. Lập dự toán chi phí sản xuất và xác định giá thành sản phẩm

1.3.2.1. Định mức chi phí

Định mức chi phí là cơ sở để doanh nghiệp lập dự toán hoạt động vì muốn lập dự toán chi phí nguyên vật liệu phải có định mức nguyên vật liệu, chi phí nhân công phải có định mức số giờ công.

Đồng thời, định mức chi phí giúp cho các nhà quản lý kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì chi phí định mức là tiêu chuẩn, cơ sở để đánh giá, cũng như góp phần thông tin kịp thời cho các nhà quản lý ra quyết định hàng ngày

như định giá bán sản phẩm, chấp nhận hay từ chối một đơn đặt hàng, phân tích khả năng sinh lời. Hơn nữa, định mức chi phí còn gắn liền trách nhiệm của công nhân với việc sử dụng nguyên liệu sao cho tiết kiệm.

***Nguyên tắc xây dựng định mức chi phí chuẩn**

Dù quá trình xây dựng định mức tiêu chuẩn ở bất kỳ khía cạnh nào đó là một công việc mang tính định tính hơn là định lượng. Nó kết hợp giữa suy nghĩ với tài năng chuyên môn của tất cả những người có trách nhiệm với giá và chất lượng sản phẩm. Do đó, phải xem xét một cách nghiêm túc toàn bộ kết quả đã đạt được. Từ đó, kết hợp với những thay đổi về điều kiện kinh tế, đặc điểm giữa cung và cầu và kỹ thuật để điều chỉnh, bổ sung chophù hợp.

***Phương pháp xác định chi phí định mức**

Phương pháp kỹ thuật: Phương pháp này đòi hỏi sự kết hợp của các chuyên gia kỹ thuật để nghiên cứu thời gian thao tác công việc nhằm mục đích xác định lượng nguyên vật liệu và lao động hao phí cần thiết để sản xuất sản phẩm trong điều kiện công nghệ, khả năng quản lý và nguồn nhân lực hiện có tại doanh nghiệp.

Phương pháp phân tích số liệu lịch sử: Xem lại giá thành đạt được ở các kỳ trước như thế nào. Tuy nhiên phải xem xét lại kỳ này có gì thay đổi và phải xem xét những chi phí phát sinh các kỳ trước đã phù hợp chưa, nếu không hợp lý hợp lệ thì nên bỏ hay xây dựng lại.

Phương pháp điều chỉnh: Điều chỉnh chi phí định mức cho phù hợp với điều kiện hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp.

***Xây dựng định mức cho các loại chi phí sản xuất Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Về mặt lượng nguyên vật liệu: Định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất 1 sản phẩm là:

Nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất 1 sản phẩm.

Hao hụt cho phép.

Lượng vật liệu tính cho sản phẩm hỏng.

Về mặt giá nguyên vật liệu: Phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi trừ đi một khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Khi đó định mức về giá nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm là: Giá mua (trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán) và chi phí thu mua nguyên vật liệu. Như vậy:

Định mức chi phí nguyên vật liệu = Định mức về lượng x Định mức về giá

Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

Định mức về giá một đơn vị thời gian lao động trực tiếp: bao gồm không chỉ mức lương cơ bản mà còn gồm cả các khoản phụ cấp lương: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí Công đoàn của lao động trực tiếp. Định mức giá 1 giờ công lao động trực tiếp ở một phân xưởng gồm: Mức lương cơ bản một giờ và các khoản trích đóng BHXH

Định mức về lượng thời gian cho phép để hoàn thành 1 đơn vị sản phẩm, có thể được xác định bằng 2 cách:

Cách 1: Phương pháp kỹ thuật: chia công việc theo nhiều công đoạn rồi kết hợp với bảng thời gian tiêu chuẩn của những thao tác kỹ thuật để định thời gian chuẩn cho từng công việc.

Cách 2: Phương pháp bấm giờ: về lượng thời gian để sản xuất 1 sản phẩm được xác định như sau:

Thời gian cần thiết để sản xuất 1 sản phẩm

Thời gian nghỉ ngơi, lau chùi máy

Thời gian tính cho sản phẩm hỏng

Như vậy: Định mức chi phí NCTT = Định mức lượng x Định mức giá

Xây dựng định mức chi phí sản xuất chung:

Do đặc điểm của chi phí sản xuất chung là mang tính gián tiếp và liên quan đến nhiều bộ phận quản lý nên không thể tính trực tiếp cho từng đơn vị sản phẩm, do đó việc tính CP SXC được thực hiện qua việc phân bổ chi phí.

$$\text{Đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung dự kiến}}{\text{Tổng đơn vị tiêu chuẩn chọn để phân bổ dự kiến}}$$

Việc lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ tùy thuộc vào từng doanh nghiệp cho phù hợp với sản phẩm sản xuất hay công việc thực hiện. Thông thường có thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là tổng số giờ công lao động trực tiếp, tổng số giờ máy chạy, tổng khối lượng sản xuất...

Chi phí sản xuất chung bao gồm cả chi phí biến đổi và chi phí cố định, sự tác động và ảnh hưởng của chi phí biến đổi và chi phí cố định với sự biến động chung của chi phí sản xuất chung khác nhau, do đó phải xây dựng riêng định mức chi phí biến đổi và định mức chi phí cố định.

Định mức chi phí sản xuất chung biến đổi: Cũng được xây dựng theo định mức giá và lượng. Định mức giá phản ánh chi phí biến đổi của đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ

Định mức chi phí sản xuất chung cố định: Cũng được xây dựng tương tự như ở phần chi phí biến đổi. Sở dĩ tách riêng là nhằm giúp cho quá trình phân tích chi phí sản xuất chung sau này được rõ ràng hơn.

Trên cơ sở định mức chi phí được xây dựng, doanh nghiệp tiến hành lập dự toán chi phí sản xuất. Dự toán là một kế hoạch chi tiết mô tả việc sử dụng các nguồn lực của một doanh nghiệp, tổ chức trong một kỳ nhất định. Dự toán chi phí sản xuất là việc xác định các khoản mục chi phí dự kiến phát sinh trong kỳ, nguồn cung cấp, nguồn thanh toán nhằm sản xuất sản phẩm cần thiết để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dự kiến và mức dự trữ hàng tồn kho.

1.3.2.2. Lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Là việc xác định chi phí nguyên vật liệu dự kiến phát sinh trong kỳ; khối lượng nguyên vật liệu cần mua để đáp ứng nhu cầu sản xuất; nguồn vốn thanh toán và lịch thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Trên cơ sở định mức nguyên vật liệu, chính sách dự trữ nguyên vật liệu, và số nguyên vật liệu còn trong kho, chính sách thanh toán doanh nghiệp tiến hành lập bảng dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và lịch thanh toán tiền mua nguyên vật liệu

$$\text{Lượng NVL cần cho sản xuất dự kiến} = \text{Số lượng SP cần cho sản xuất dự kiến} \times \text{Định mức lượng NVLTT}$$

CP NVLTT dự kiến = Lượng NVLTT dự kiến x Định mức giá NVLTT

$$\text{Lượng mua NVLTT cần mua dự kiến} = \text{Lượng NVLTT cần cho sản xuất đầu kỳ} + \text{Lượng NVLTT tồn kho cuối kỳ} - \text{Lượng NVLTT tồn kho đầu kỳ}$$

1.3.2.3. Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán nhân công trực tiếp được lập dựa trên cơ sở dự toán sản xuất và định mức chi phí nhân công trực tiếp nhằm xác định thời gian lao động và chi phí nhân công cần thiết đảm bảo cho quá trình sản xuất.

Định mức thời gian lao động hao phí phản ánh mức độ sử dụng nhân công trực tiếp, được quyết định bởi mối quan hệ về mặt kỹ thuật giữa lao động và sản phẩm sản xuất ra. Định mức này có thể được xác định bằng cách chia công việc thành từng thao tác kỹ thuật cụ thể rồi kết hợp với tiêu chuẩn thời gian của từng thao tác để xây dựng định mức thời gian cho từng công việc. Để lập dự toán CPNCTT, doanh nghiệp cần dựa vào số lượng nhân công, trình độ tay nghề, quỹ lương, cách phân phối lương để xây dựng.

Đơn giá tiền lương, tiền công của một giờ lao động trực tiếp được xây dựng căn cứ vào thang lương, bậc lương hoặc hợp đồng lao động đã ký kết, trong đó đã

gồm các khoản phụ cấp. Đơn giá tiền lương, tiền công tiêu chuẩn có thể tính bình quân mức lương trả cho toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất.

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được xác định:

Chi phí nhân công trực tiếp dự toán = *Số lượng SP cần sản xuất trong kỳ* x *Định mức thời gian lao động tiêu hao cho 1 đơn vị SP* x *Đơn giá tiền công trên giờ lao động*

1.3.2.4. Lập dự toán chi phí sản xuất chung

Lập dự toán chi phí sản xuất chung là việc xác định các chi phí sản xuất khác ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp dự kiến phát sinh trong kỳ và dự kiến tiền thanh toán cho chi phí sản xuất chung

Dự toán chi phí sản xuất chung bao gồm dự toán chi phí SXC biến đổi và dự toán chi phí SXC cố định, mục đích của dự toán chi phí sản xuất chung là chỉ ra mức độ dự kiến của tất cả các chi phí sản xuất gián tiếp.

Chi phí sản xuất chung gồm nhiều khoản chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí. Khi lập dự toán cần phải tính toán riêng chi phí biến đổi, chi phí cố định sau đó tổng hợp lại

Dự toán chi phí SXC = Dự toán CP SXC cố định + Dự toán CP SXC biến đổi

1.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

Báo cáo kế toán QTCP là loại báo cáo kế toán phản ánh chi tiết, cụ thể tình hình chi phí của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của các cấp quản trị khác nhau trong DN. Báo cáo kế toán QTCP là sản phẩm cuối cùng của quy trình thực hiện công tác kế toán QTCP trong doanh nghiệp sản xuất, nhằm mục đích cung cấp thông tin đã, đang và sẽ diễn ra trong hoạt động SXKD theo yêu cầu quản lý cụ thể của nhà quản trị trong DN gắn liền với từng bộ phận theo từng chức năng nhất định. Nội dung và kết cấu của báo cáo kế toán QTCP phải thể hiện được mục đích

và mong muốn của nhà quản trị trong việc theo dõi, phân tích, đánh giá các hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

1.3.3.1. Yêu cầu của báo cáo kế toán QTCP

Báo cáo kế toán QTCP phải đáp ứng được những yêu cầu: Tính thích hợp, tính kịp thời, tính hiệu quả.

Tính thích hợp của các báo cáo kế toán QTCP thể hiện trên hai khía cạnh: Sự phù hợp và đáng tin cậy.

Sự phù hợp thể hiện ở đặc thù hoạt động SXKD, yêu cầu thông tin quản lý và mục tiêu của nhà quản trị doanh nghiệp. Thông tin trên báo cáo được phân chia thành các chỉ tiêu phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi tình huống ra quyết định. Sự phù hợp của báo cáo kế toán QTCP còn được thể hiện ở quy mô doanh nghiệp: Với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, quy trình công nghệ giản đơn thì báo cáo kế toán QTCP cũng đơn giản hơn những doanh nghiệp có quy mô lớn, quy trình công nghệ phức tạp.

Tính đáng tin cậy thể hiện chất lượng của báo cáo nghĩa là số liệu trên báo cáo kế toán QTCP phải dựa trên cơ sở khách quan, đảm bảo có căn cứ để kiểm tra, kiểm soát. Mức độ chính xác của thông tin trên báo cáo kế toán QTCP sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả các quyết định của nhà quản trị.

Tính kịp thời các báo cáo kế toán QTCP thể hiện thời điểm lập và tần suất lập trong một thời kỳ. Quá trình SXKD của doanh nghiệp cần thông tin thường xuyên để ra quyết định quản lý có hiệu quả. Thông tin từ các báo cáo kế toán QTCP sẽ không có tác dụng nếu thiếu kịp thời, do vậy thời điểm lập các báo cáo kế toán QTCP rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Bên cạnh đó nếu tần suất lập báo cáo kế toán QTCP hợp lý sẽ là tiền đề cho nhà quản trị cập nhật thông tin thường xuyên, có hệ thống.

Tính hiệu quả của báo cáo kế toán QTCP thể hiện trong việc đáp ứng thông tin cần thiết cho nhà quản trị với chi phí bỏ ra cho công tác lập báo cáo kế toán

QTCP là thấp nhất. Như vậy, báo cáo kế toán QTCP phải được lập khoa học, hợp lý, không có sự trùng lặp trong việc cung cấp thông tin

1.3.3.2. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí

Phân loại báo cáo theo nội dung của báo cáo kế toán QTCP: Nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, hệ thống báo cáo kế toán QTCP cần được xây dựng theo nội dung:

Báo cáo định hướng hoạt động kinh doanh

Báo cáo quản trị phục vụ cho kiểm soát chi phí

Báo cáo quản trị phục vụ cho việc ra quyết định.

Báo cáo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh: Đây là hệ thống báo cáo nhằm cung cấp những thông tin định hướng cho tương lai của doanh nghiệp như dự toán, phương án kinh doanh,... nhằm phục vụ cho các quyết định kinh doanh cũng như chuẩn bị các điều kiện đảm bảo trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Loại báo cáo này thường bao gồm:

+ Báo cáo dự toán chi phí theo từng khoản mục chi cho từng đối tượng.

+ Báo cáo dự toán chi phí theo yếu tố cho từng đối tượng quản trị.

Báo cáo quản trị phục vụ cho kiểm soát chi phí: Đây là hệ thống báo cáo nhằm cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện các hoạt động SXKD để nhà quản trị kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp để có những biện pháp điều chỉnh phù hợp. Chỉ tiêu trong báo cáo phán ánh các thông tin chênh lệch giữa kết quả thực hiện với các thông tin định hướng. Do vậy, trên báo cáo cần thể hiện rõ tính so sánh được giữa thông tin kết quả và thông tin định hướng, giữa kỳ này và kỳ trước, đồng thời xác định được nguyên nhân cụ thể gây nên sự chênh lệch đó. Báo cáo quản trị phục vụ cho kiểm soát chi phí gồm:

- Báo cáo sản xuất
- Báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố

- Báo cáo giá thành sản phẩm
- Báo cáo phân tích tình hình thực hiện dự toán cho cho từng đối tượng quản trị

Báo cáo quản trị phục vụ cho việc ra quyết định: Để cung cấp thông tin

cho việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp, kế toán quản trị chi phí sử dụng các báo cáo sau:

Báo cáo phân tích thông tin thích hợp trong việc lựa chọn phương án Báo cáo đánh giá kết quả bộ phận

Phân loại báo cáo tính cấp bách của thông tin: Nhằm đáp ứng tính kịp thời của các thông tin trong báo cáo, hệ thống báo cáo kế toán QTCP cần được xây dựng theo tính cấp bách của thông tin trong báo cáo. Theo đó, báo cáo được chia thành báo cáo nhanh và báo cáo định kỳ.

Báo cáo nhanh là những báo cáo được lập theo yêu cầu trực tiếp của nhà quản trị DN về một số thông tin nhất định trong khoảng thời gian ngắn.

Báo cáo định kỳ là những báo cáo được xây dựng nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị mang tính định kỳ, bao gồm:

Báo cáo kế toán QTCP theo ngày;

Báo cáo kế toán QTCP theo tháng;

Báo cáo kế toánQTCP theo quý;

Báo cáo kế toán QTCP theo năm.

Những báo cáo này giúp cho nhà quản trị kiểm tra thông tin và đưa ra các quyết định quản lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã trình bày các vấn đề thuộc lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Thông qua việc phân tích bản chất, nội dung chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, luận văn đã trình bày phương pháp phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, kế toán tập hợp chi phí sản xuất, nội dung tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Những vấn đề lý luận chương 1 là cơ sở để xem xét đánh giá thực và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM

2. 1.Tổng quan về Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam

2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam

***Khái quát chung về công ty cổ phần Fortuna Việt Nam.**

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: Fortuna Vietnam Joint Stock Company
- Tên viết tắt : FORTUNA., JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 350 đường K2 tổ 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (024)66872493- Fax:
- Mã số thuế: 0106789948
- Email: ketoanchung2015@gmail.com
- Website: www.fortunaleather.vn

***Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam (FORTUNA., JSC) đơn vị mới được thành lập từ năm 2015 theo giấy chứng nhận ĐK DN công ty CP số ngày 16/03/2015, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 23/07/2017 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp...

Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng, hoạt động theo luật và điều lệ công ty**.**

Sản phẩm của Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam là những sản phẩm có chất lượng cao tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Sản xuất trên dây truyền đồng bộ được

nhập khẩu từ Cộng hoà liện bang Đức. Nguyên vật liệu chính là Da ruột, da miu, da thô sơ, da mềm .... cùng các chất liệu nylon, polyester, non woven, cotton…..được nhập từ các quốc gia phát triển như CHLB Đức, Hàn Quốc, Trung quốc….có chất lượng cao đa dạng về chủng loại và mẫu mã.

FORTUNA., JSC cũng là đối tác uy tín của rất nhiều đơn vị trong và ngoài nước. Một số đối tác tiêu biểu như: Vietcombank, Fpt, Toyota,...

Công ty hiện có 50 lao động, trong đó hầu hết ở độ tuổi trung bình - trẻ và có trình độ tốt, tỷ lệ nam giới cao do có nhiều công việc nặng nhọc phụ nữ khó đảm nhiệm. Tỷ lệ lao động có hợp đồng dài hạn chiếm 80% là hợp lý với đặc thù kinh doanh của công ty.

2.1.2.Lĩnh vực kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

***Lĩnh vực kinh doanh**

FORTUNA., JSC là doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh , bán buôn các đồ dùng trong gia đình như đồ điện gia dụng, giường tủ bàn ghế và nội thất tương tự. Buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh, phụ liệu may mặc hang may sẵn.Thiết kế, may gia công & sản xuất balô, balô quân đội, túi xách, túi chuyên dụng, sổ tay, bìa sổ, ví da, dây nịt,.... cho các công ty, đơn vị trong nước tại Hà Nội và xuất đi nước ngoài…

***Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất của công ty**

Nội dung cơ bản các bước công việc trong quy trình công nghệ của sản xuất Sổ da, ví da, dây lưng ví passport, ví đựng thẻ, cặp hội nghị,..

Da sau khi được chọn kỹ sẽ được cắt theo mẫu thiết kế. Bước này tuy không quá khó nhưng cần được làm cẩn thận để không phí da và gây lỗi sau khi ráp ví. Với những mẫu ví yêu cầu phải in logo hình ảnh thì logo sẽ được in lên những miếng da theo khuôn đã được làm sẵn. Khuôn này tốn rất nhiều công sức để tạo

nên bởi có như vậy mới in được logo đẹp và sang trọng. Đây là bước mà không phải đơn vị sản xuất ví da nào cũng làm được cũng là sự khác biệt của sản phẩm bình dân và sản phẩm cao cấp. Những miếng da đã cắt ra được xử lý sao cho vừa đẹp, không bị lỗi hay xù xì ở mặt sau. Tiếp theo mặt da sẽ được ép chặt với mặt trong của ví. Ruột ví đã được làm sẵn với nhiều mẫu khác nhau để khách hàng lựa chọn.

Khi sản phẩm hoàn thành, thợ thủ công tiến hành xử lý góc cạnh và may viền tỉ mỉ theo mẫu thiết kế. Những đường may đẹp, khéo léo làm tôn lên sự đẳng cấp của những sản phẩn da do Fortuna sản xuất. Đây là khâu rất quan trọng trong quy trình sản xuất các sản phẩm ví da, dây lưng, không thể làm qua loa, cẩu thả. Người đảm nhận phải là người có tay nghề cao, tâm huyết từng đường kim để tạo ra những sản phẩm hoàn hảo nhất. Vì sau khi hoàn thành sẽ được vệ sinh, lau chùi và đánh bóng. Trước khi xuất xưởng, tất cả các sản phẩm sản xuất đều được bộ phận KCS kiểm tra chất lượng đầy đủ, hợp lệ.

Tiếp theo sản phẩm đặt vào hộp. Hộp có thể thiết kế riêng tùy vào đơn hàng cụ thể. Sau khi kiểm tra sản phẩm lần cuối cùng, toàn bộ sẽ giao cho khách hàng đủ số lượng theo thời gian đã thỏa thuận.

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

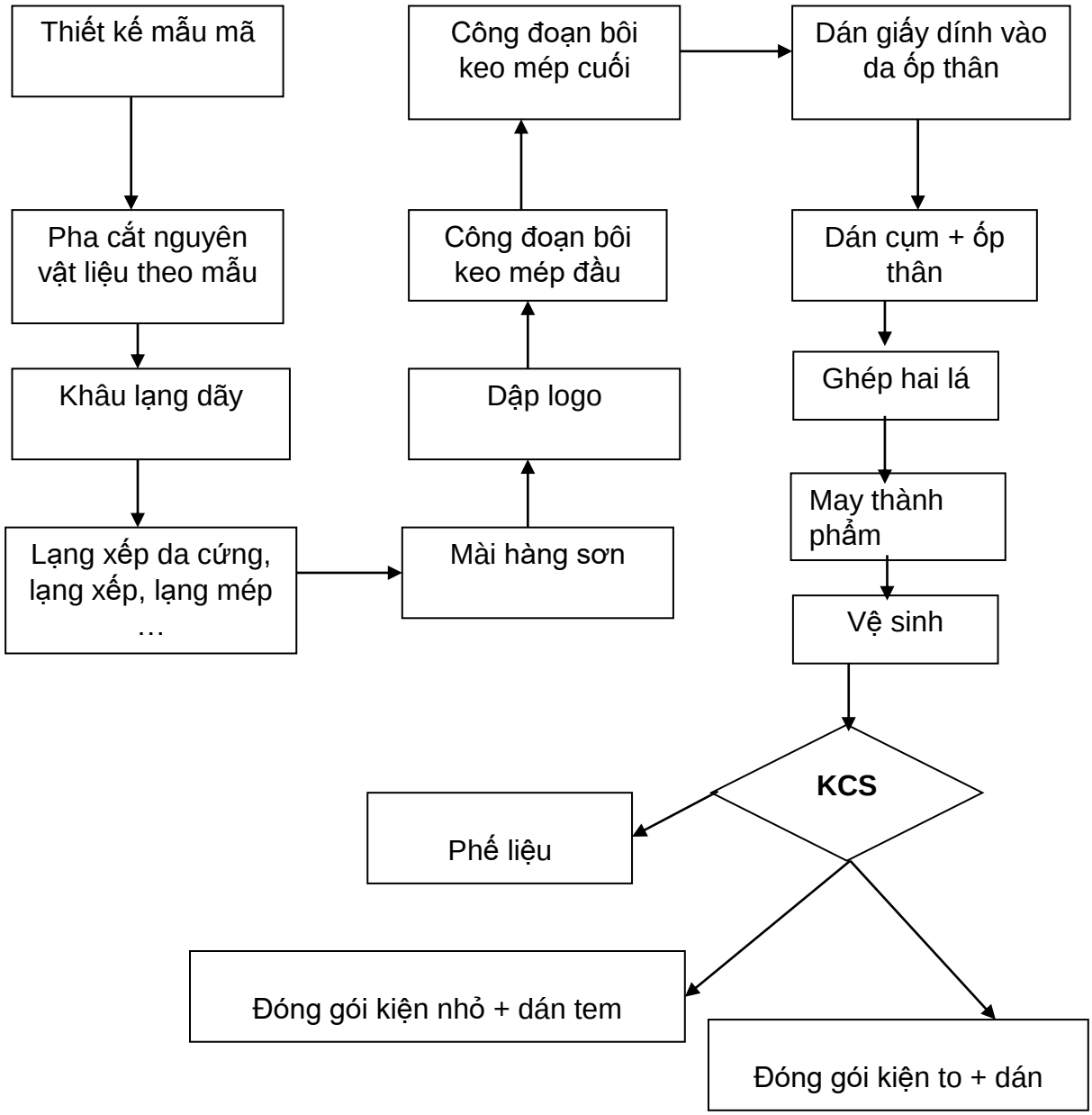

Sơ đồ 2.1 Quy trình công nghệ sản xuất

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

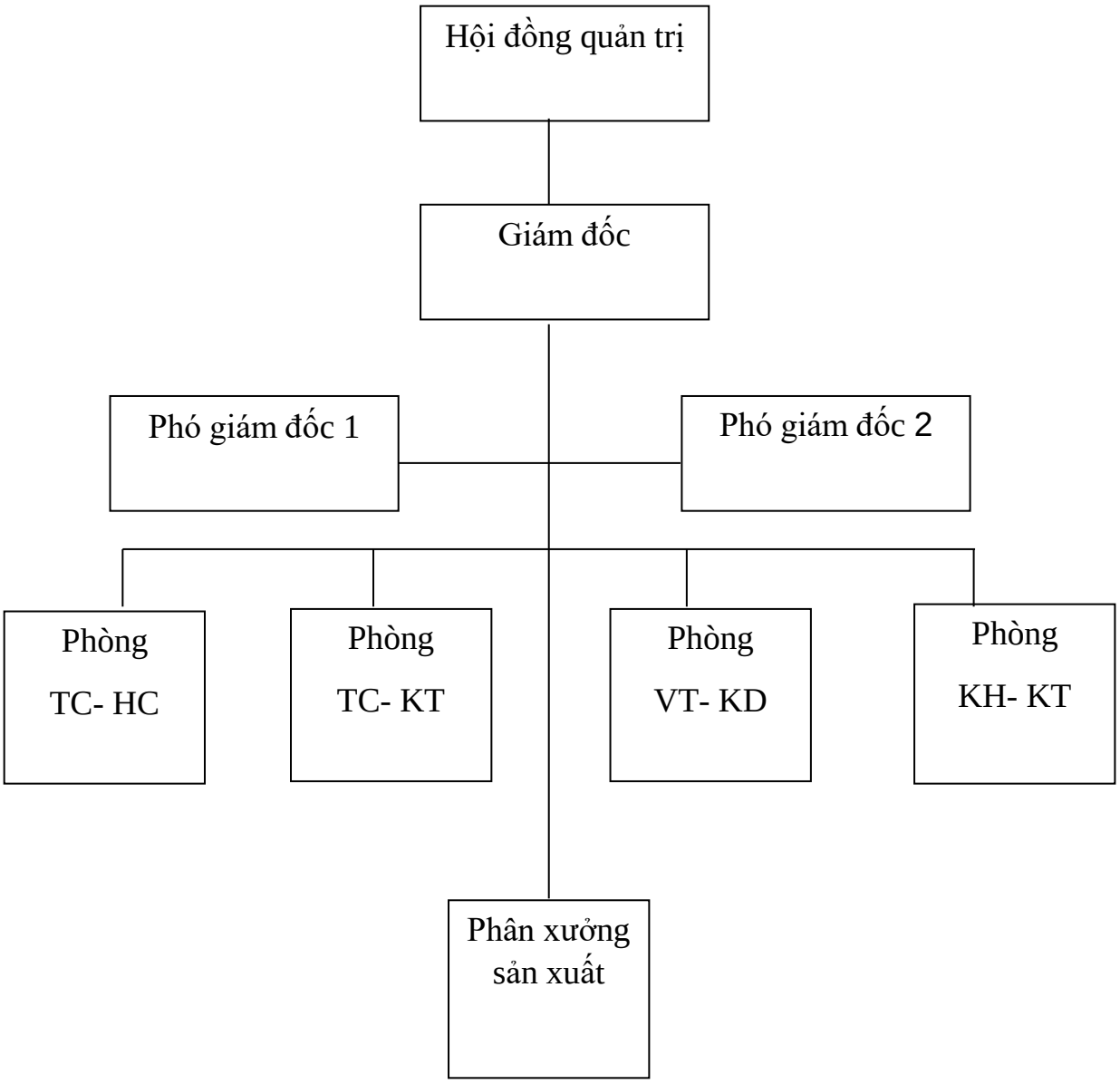

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty

- ***Hội đồng quản trị*:** Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty. Đứng đầu Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị do các cổ đông lựa chọn.

- ***Giám đốc***

+ Chịu trách nhiệm cao nhất trong tổ chức, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Lập các chính sách và xác định các mục tiêu chất lượng

+ Xác định và phê duyệt cơ cấu tổ chức.

+ Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ vốn, tải sản của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn theo đúng thẩm quyền……

- ***Phó giám đốc 1***

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc và trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

+ Tìm kiếm các công trình xây lắp.

+ Phụ trách công tác kỹ thuật;

Thực hiện các công việc khác dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

- ***Phó giám đốc 2***

Tham mưu giúp việc cho giám đốc và trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

+ Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, các nhà cung cấp nguyên vật liệu;

+ Trình Giám đốc các chính sách bán hàng và phương hướng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Phụ trách công tác bảo hộ và an toàn lao động của Công ty;

+ Thực hiện các công việc khác dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

- ***Phòng TC – HC***

+ Giúp Giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý lực lượng lao động của Công ty.

+ Thực hiện các chế độ tiền lương, bậc lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội…. theo đúng quy định hiện hành.

+ Theo dõi toàn bộ các văn bản gửi hoặc nhận, quản lý con dấu.

+ Tham mưu và đề xuất với lạnh đạo Công ty đưa ra các quyết định, quy chế điều hành Công ty.

+ Quản lý toàn bộ tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động của bộ máy Công ty.

+ Chịu trách nhiệm về công tác đối ngoại, tổ chức hội nghị và các công việc liên quan……

- ***Phòng TC - KT***

Chịu trách nhiệm toàn bộ công tác tài chính, kế toán và quản lý tài sản và vốn của công ty. Lập các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, phương án SXKD, tham mưu cho Ban giám đốc trong lĩnh vực tài chính, phương án đầu tư, huy động các nguồn lực tài chính, đảm bảo nhu cầu vốn kịp thời phục vụ cho SXKD của đơn vị, quản lý, sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán. Thực hiện các công việc đối ngoại với các cơ quan liên quan đối với hoạt động của phòng Tài chính kế toán.

- ***Phòng VT - KD***

+ Tập hợp và lập kế hoạch bán hàng tháng, quý, năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch.

+ Lập kế hoạch và thực hiện việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm….của Công ty, quản lý mạng lưới đại lý.

+ Lập kế hoạch và thực hiện việc mua sắm vật tư thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thông tin liên lạc với khách hàng, đầu mối xử lý các khiếu nại của khách hàng, đánh giá sự thoả mãn của khách hàng…..

- ***Phòng KH - KT***

+ Hướng dẫn quy trình công nghệ, kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật cho nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

+ Lập kế hoạch sản xuất, kiểm soát hoạt động của xưởng sản xuất.

+ Tiến hành kiểm tra thử nghiệm, nguyên vật liệu mua vào, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- ***Phân xưởng sản xuất***

+ Quản lý nhân sự của xưởng sản xuất.

+ Sản xuất thành phẩm.

+ Kiểm soát và xử lý sản phẩm không phù hợp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập , bộ máy kế toán Công ty có nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ công tác thu thập, xử lý các thông tin kế toán, công tác thống kê trong phạm vi toàn Công ty.

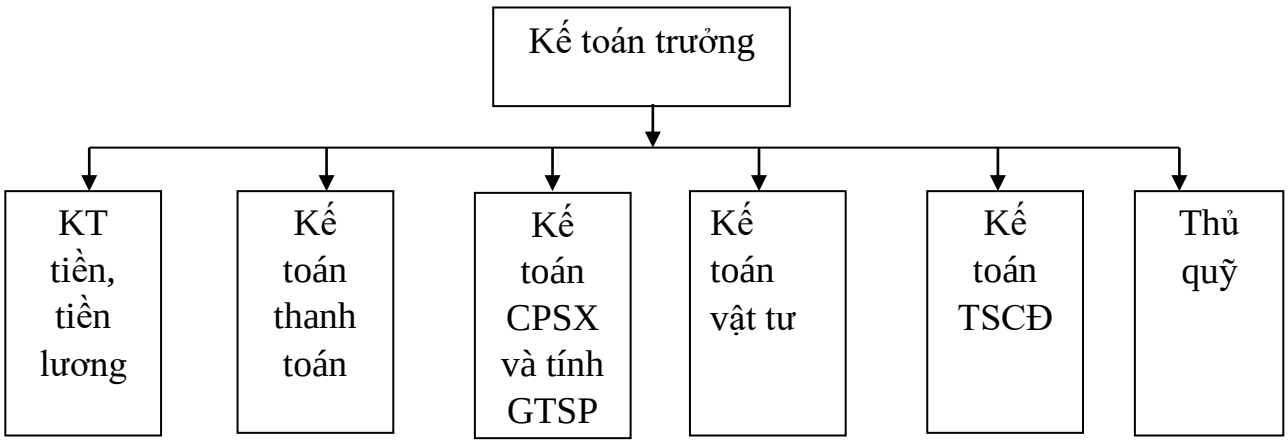

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty gồm 5 người được tổ chức theo hình thức tập trung. Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng, giúp việc cho kế toán trưởng là các nhân viên kế toán thực hiện các phần hành kế toán theo nhiệm vụ được giao. Chức năng của các bộ phận kế toán được quy định như sau

- *Kế toán trưởng:* Làm công tác thống kê các số liệu về tình trạng hoạt động của công ty, tổn hợp số liệu kế toán, lên báo cáo tài chính. Có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán của công ty và có mối liên hệ trực tuyến với các kế toán viên thành phần. Các kế toán thành phần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề liên quan đến các công việc kế toán như: các nghiệp vụ, chế độ kế toán hay chính sách Tài chính của Nhà Nước.

- *Kế toán tiền mặt, kế toán tiền lương*: Có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, theo dõi các khoản tạm ứng của công nhân viên, vốn vay ngắn hạn, dài hạn của công ty. Ngoài ra nhân viên này cònvphụ trách công việc hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, theo dõi các khoản tạm ứng của công nhân viên, vốn vay ngắn hạn, dài hạn của công ty.

- *Kế toán thanh toán*: có nhiệm vụ tính và kê khai thuế trong doanh nghiệp như: VAT, thuế TNDN, thuế TTĐB, trừ kê khai thuế TNCN. Đồng thời, kế toán này giúp đỡ kế toán trưởng trong việc hạch toán kế toán, phụ trách kiểm tra, giám sát công tác kế toán của các kế toán viên. Ngoài ra, kế toán này còn theo dõi công nợ phải trả của công ty.

- *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:* Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý doanh nghiệp. Vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp đã lựa chọn. Tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định, theo các yếu tố chi phí và khoản mục giá thành. Báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố (trên thuyết minh báo cáo tài chính) định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp. Tổ chức kiểm kê và đánh giá khối lượng sản phẩm làm dở khoa học hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành sản xuất trong kỳ một các đầy đủ chính xác.

- *Kế toán vật tư*: Theo dõi tình hình nhập xuất, tồn kho NVL và CCDC. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC

- *Kế toán TSCĐ*: Có nhiệm vụ tổng hợp TSCĐ, theo dõi TSCĐ ở các bộ phận trong công ty, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, sau đó lập báo cáo kế toán nội bộ về tình hình tăng giảm TSCĐ

- *Thủ quỹ*: làm nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý tiền mặt tồn quỹ, đối chiếu số lượng thực tế tại quỹ với số dư trên sổ quỹ tiền mặt

2.1.4.2. Hình thức kế toán công ty áp dụng

Hình thức kế toán Công ty áp dụng là hình thức nhật kí chung áp dụng trên máy vi tính. Niên độ kế toán là 01 năm (từ ngày 01/01 đến 31/12). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng.

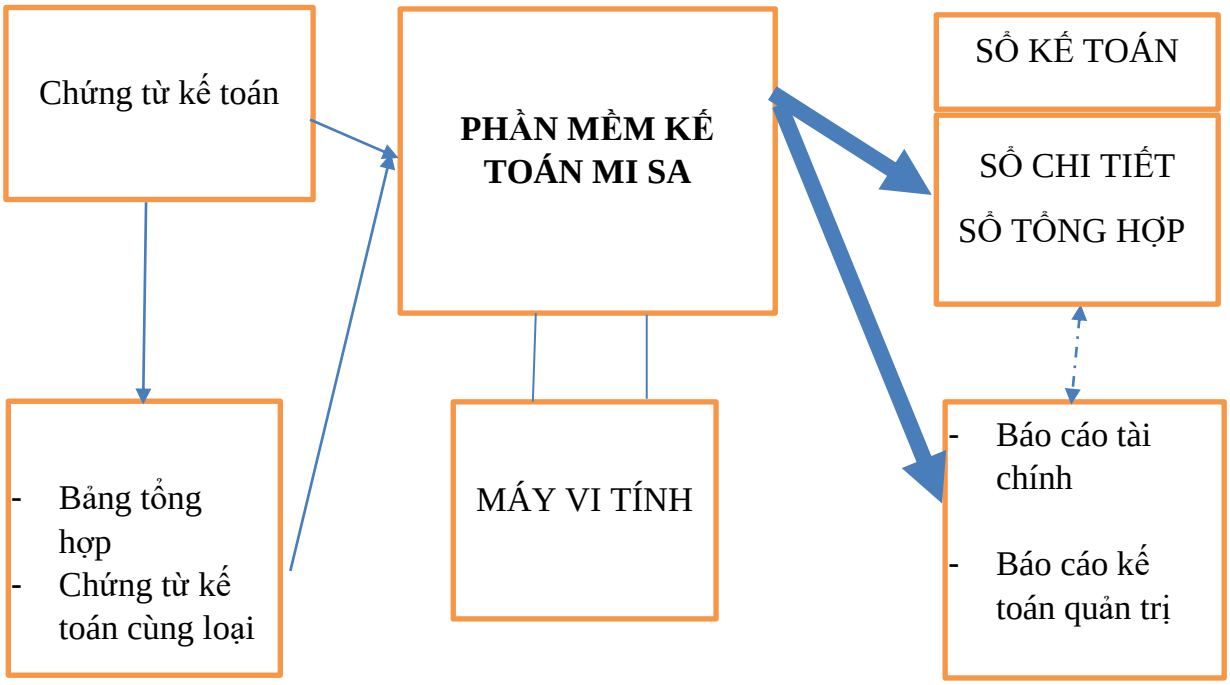

Sơ đồ 2.4 : trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy trên phần mềm MISA

Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: ⟶

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ⟹

Đối chiếu, kiểm tra: ⟷

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Theo quy trình của phần mềm, các thông tin tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp, các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp và chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác.trung thực theo các thông tin đã nhập trong kỳ. Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty Cổ phần fortuna Việt Nam Công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Công ty luôn tuân thủ theo nội dung hệ thống chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

Kỳ kế toán: Công ty thực hiện kỳ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ hạch toán: Công ty thực hiện ghi sổ và lập báo cáo bằng đồng Việt Nam. Việc quy đổi các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá”.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. Thời điểm tính giá hàng xuất kho là cuối tháng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Các tài sản cố định tại Công ty sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng

- Phương pháp tính giá thành: Phương pháp giản đơn

- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang: theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.1.4.4. Tình hình sử dụng máy tính trong kế toán tại công ty

Xuất phát từ yêu cầu thực tế Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán Misa. Các máy tính được liên kết chặt chẽ với nhau. Mỗi kế toán có một tài khoản đăng nhập riêng, chỉ được truy cập theo đúng phần hành của mình và chịu trách nhiệm với phần hành đấy.

Phần mềm này cho phép kế toán trưởng có thể phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng nhân viên kế toán thông qua chức năng phân quyền. Chức năng phân quyền trong phần mềm giúp kế toán trưởng có thể kiểm tra công việc của từng nhân viên và xác định được cụ thể trách nhiệm thuộc về người nào khi xảy ra sai sót .

Phần mềm này được sử dụng khá hợp lý với đầy đủ các loại sổ, chứng từ kết cấu theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành

Việc ứng dụng máy vi tính trong công tác kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả quản lý của công tác kế toán, tăng tốc độ xử lý thông tin tạo điều kiện cho việc đối chiếu lên báo biểu và in sổ sách kế toán một cách nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, việc sử dụng máy vi tính còn giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện chuyên môn hóa và khả năng làm việc cao hơn. Ngoài việc sử dụng phần mềm kế toán, kế toán còn sử dụng máy tính để tạo bảng lương, bảng chấm công, soạn thảo các hợp đồng, thông báo… trên word và excel trên máy vi tính.

2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam trên góc độ kế toán tài chính

2.2.1. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trên góc độ kế toán tài chính

**Phân loại chi phí sản xuất*: Để thuận tiện và đảm bảo sự hài hòa giữa công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và phù hợp với đặc điểm sản xuất, chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm ở công ty được phân theo các khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nguyên vật liệu trực tiếp được chia thành:

+ Nguyên vật liệu chính: Nguyên vật liệu chính của công ty bao gồm các loại chất liệu da, da PU, da PVC, da nhân tạo cao cấp SIT, vải bạt Nihon,vải BKD02,vải dệt, nylon, polyester, non woven, cotton, simili ... các chủng loại PVC và PU…

+ Nguyên vật liệu phụ: lot mặt, lót xốp cao cấp, , mút pohitan (bọt biển), sơn màu các loại, chỉ, keo bugio , tẩy keo, tem, hộp….

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương tính chi phí sản xuất như KPCĐ, BHYT, BHXH, BHTN của công nhân trực tiếp thực hiện từng công đoạn sản xuất.

- Chi phí sản xuất chung: là những chi phí không gắn trực tiếp với sản xuất từng sản phẩm mà liên quan đến toàn bộ số lượng sản phẩm sản xuất ra, đảm bảo hoạt động chung của từng phân xưởng và toàn công ty. Bao gồm các khoản mục chi phí sau: chi phí nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

* *Phân loại giá thành sản phẩm*: có hai loại giá thành được sử dụng ở công ty như sau:Giá thành sản xuất và Giá thành toàn bộ.

2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Do đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm ở công ty là quy trình công nghệ chế biến phức tạp kiểu liên tục, gồm nhiều giai đoạn công nghệ kế tiếp nhau. Công ty sản xuất và cung ứng sản phẩm theo các đơn hàng khác nhau , để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và căn cứ theo đơn đặt hàng từng sản phẩm và điều kiện thực tế của Công ty, Công ty đã xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo từng đơn đặt hàng tại phân xưởng sản xuất sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành

Tại công ty cổ phần fortuna Việt Nam, không có bán thành phẩm nhập kho. Sản phẩm được coi là thành phẩm khi đã trải qua bước công nghệ cuối cùng. Đối tượng tính giá thành tại công ty là sản phẩm ví, túi sách, dây lưng… đã hoàn thành.

2.2.3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

Chi phí sản xuất của công ty được tập hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Do đặc điểm của công ty là cùng lúc thực hiện nhiều đơn hàng, công ty đã tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng đơn hàng, nhằm tạo điều kiện cho việc tính giá thành sản phẩm dễ dàng. Các chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công trực tiếp được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2.4. *Kế toán chi phí sản xuất sản phẩm tại công ty*

2.2.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải có nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ, chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm. Việc tính toán chính xác, đầy đủ chi phí nguyên vật liệu đặc biệt quan trọng trong việc xác định lượng tiêu hao vật chất trong sản xuất, đảm bảo tính đúng giá thành và là căn cứ góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Để minh họa cho thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, Tác giả xin lựa chọn Sản phẩm ví thẻ – nhóm sản phẩm điển hình

Nguyên vật liệu trực tiếp dùng trong sản xuất ví thẻ của công ty gồm nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ cụ thể như sau:

- Nguyên vật liệu chỉnh chính: là những vật liệu chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm gồm da F3-Global-TBN-11.3, da nhân tạo cao cấp SIT, vải lót VL1-TP-260T, vải không dệt phủ keo VKD2-ZY60.1, nylon, polyester, non, cotton, simili ‘..

- Chi phí vật liệu phụ: là những vật liệu mang tính chất phụ trợ trong quá trình sản xuất kinh doanh như: sơn màu các loại, chỉ 40/4 đen, chỉ 60/3, keo bugio, tem, hộp, ...

- Phế liệu: là các loại sản phẩm loại ra trong quá trình sản xuất túi, ví da.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được cung cấp bởi 2 nguồn chính là tự sản xuất và mua ngoài.

Đối với nguyên vật liệu do đơn vị tự sản xuất thì đơn vị tính giá thành nhập kho nguyên vật liệu như sau:

Giá thực tế nguyên liệu nhập kho = tổng giá thành sản xuất

Đối với nguyên vật liệu do đơn vị mua ngoài. Giá thực tế nhập kho được tính theo công thức sau:

Giá trị thực tế nhập kho = *Giá mua ghi trên hoá đơn* + *Chi phí thu mua* - *Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá (nếu có)*

Đối với giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền. Công thức xác định là:

$$\text{Giá trị thực tế bình quân một đơn vị NVL} = \frac{\text{Giá trị thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Giá thực tế NVL xuất dùng = Đơn giá x Khối lượng NVL xuất dùng

Hàng ngày kế toán kho thực hiện công việc nhập xuất vật tư theo số lượng thực nhập, xuất lên bảng tổng hợp hàng tồn kho. Cuối tháng xác định giá vốn vật tư xuất kho dựa vào giá trị vật tư nhập kho và tồn đầu kỳ.

Việc lựa chọn phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu theo bình quân gia quyền là hoàn toàn phù hợp vì đồng nhất với kỳ tính giá thành của sản phẩm. Tuy nhiên đên cuối tháng kế toán lại tính giá thành trên excel mà không dùng phần mềm dẫn đên rất nhiều công việc của kế toán cần phải làm.

***** *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu xuất kho- mẫu số 02-VT

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Bảng kê chi tiết vật liệu xuất dùng.

**Tài khoản sử dụng*

Để hạch toán, phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty sử dụng tài khoản 621 -Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, được chi tiết thành các tài khoản cấp 2. Tại công ty Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được ghi chép phản ánh trên các tài khoản chi tiết:

Tk 6211 – Chi phí nguyên vật liệu chính

Tk 6212 – Chi phí nguyên vật liệu phụ

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đều được lập đầy đủ các chứng từ kinh tế phát sinh.

**Trình tự kế toán*

Căn cứ vào phiếu xuất kho ***(Phụ lục2.1)*** kế toán tiến hành cập nhật vào phần mềm kế toán máy theo từng mã sản phẩm. Vì trên phiếu xuất kho vật tư có ghi xuất dùng để sản xuất sản phẩm nào nên sau khi nhận được phiếu xuất kho, kế toán tập hợp chi phí sản xuất sẽ tiến hành phân loại cho phân xưởng sản xuất theo từng đơn hàng

Trong tháng 10/2019, công ty thực hiện sản xuất theo kế hoạch đặt hàng sản phẩm ví thẻ . Căn cứ "Phiếu xuất kho" trong tháng, Phần mềm Misa tự động cập nhật vào "Sổ Nhật Ký Chung" ***(Phụ lục 2.2)***, ta có "Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 621" ***(Phụ lục 2.3)***, "Sổ cái TK 621" ***(Phụ lục 2.4)***,

2.2.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Bởi vậy việc tổ chức theo dõi và hạch toán chính xác tiền lương, thể hiện đúng đắn chế độ tiền lương, tính đúng và đủ, thanh toán kịp thời tiền lương cho người lao động sẽ có tác tích cực, thúc đẩy Công ty sử dụng hợp lý lao động. Từ đó không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, đồng thời đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống nhân viên.

Hiện nay tại công ty CP Fortuna Việt Nam, công nhân trực tiếp sản xuất hưởng lương khoán sản phẩm. Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: lương chính, các khoản phụ cấp, trích các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định của Nhà nước.

Tiền lương = Lương chính + Các khoản phụ cấp.

*******Chứng từ sử dụng*

Chứng từ về lương và thanh toán: Bảng chấm công, phiếu nghỉ hưởng BHXH, Bảng thanh toán lương và BHXH, Bảng thanh toán tiền thưởng. Bảng thanh toán tiền lương trả thêm theo năng suất lao động.

Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

Ngoài ra còn có các chứng từ khác như: Hợp đồng lao động theo vụ việc, phiếu nghỉ hưởng BHXH, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, bảng thanh toán tiền thuê ngoài.

**Tài khoản hạch toán*

Để theo dõi các khoản chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 "Chi phí nhân công trực tiếp". TK 622 cuối kỳ không có số dư, mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí

**Trình tự hạch toán*

Ở Công ty cổ phần fortuna Việt Nam , chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp trực tiếp tại phân xưởng sản xuất..

Cuối tháng, kế toán dựa vào bảng chấm công ở các bộ phận để lập bảng thanh toán lương của công nhân viên từng bộ phận ***(phụ lục 2.5)***. Kế toán lập "Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương" ***(Phụ lục 2.6).*** Phần mềm Misa tự động cập nhật vào "Sổ Nhật Ký Chung" ***(Phụ lục 2.7)***, ta có "Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622" ***(Phụ lục 2.8),*** "Sổ cái TK 622" ***(Phụ lục 2.9)***

2.2.4.3 Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

**Chứng từ sử dụng*

Các chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất chung gồm: Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, phiếu chi....

**Tài khoản hạch toán*

Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627: Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được chi tiết theo từng yếu tố chi phí, bao gồm:

+ TK 6271: Chi phí nhân công
+ TK 6272: Chi phí vật liệu
+ TK 6273: Chi phí dụng cụ
+ TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định
+ TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
+ TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

** Trình tự hạch toán*

- Hạch toán chi tiết

+ Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng

Chi phí nhân viên phân xưởng gồm các khoản chi phí liên quan và phải trả cho nhân viên phân xưởng như chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…Những nhân viên này không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm mà ở cương vị quản lý về lao động cũng như về vật chất trong đơn vị như: quản đốc phân xưởng, phó quản đốc phân xưởng…

Tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng chủ yếu là lương thời gian. Ngoài ra, họ còn được hưởng các khoản phụ cấp khác như: lương phép, tiền ăn ca, thưởng…

Công thức tính lương:

Tổng lương = Lương khoán + phụ cấp

Lương khoán = Mức lương quy định trong hợp đồng lao động và thang bảng

lương của công ty.

Phụ cấp: Theo quy định của công ty.

Tài khoản sử dụng 6271 " ***Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng***".

Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương,…để tính lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định

Tại phân xưởng sản xuất có TSCĐ như dây chuyền sản xuất, … phục vụ cho sản xuất chung phải được tính khấu hao, tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Mức khấu hao được tính như sau:

Mức tính khấu tháng = Nguyên giá/ Số năm sử dụng/ 12 tháng

Trong thực tế, khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ, kế toán căn cứ vào những chứng từ liên quan như: Biên bản bàn giao TSCĐ, Hóa đơn GTGT đầu vào, Bản thanh lý TSCĐ,… để tính và phân bổ khấu hao TSCĐ ***(Phụ lục 2.10)***.

+ Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất

Đối với CCDC ta thấy thường CCDC xuất dùng có giá trị lớn, phải phân bổ cho các lần sử dụng, nhưng ở Công ty cổ phần fortuna Việt Nam CCDC có giá trị thấp, thường bị hư hỏng sau khi sử dụng, do vậy việc phân bổ 100% là hợp lý, tránh trường hợp phải phân bổ nhiều lần, mất thời gian.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

Khoản mục này ở Công ty cổ phần fortuna Việt Nam chủ yếu là chi phí về điện, nước, tiền thuê nhà xưởng, …. Các chi phí này được tập trung trên TK 6277 - "***chi phí dịch vụ mua ngoài".***

+ Chi phí khác bằng tiền

Chi phí khác bằng tiền là khoản chi phí phát sinh trực tiếp bằng tiền ngoài các chi phí sản xuất chung trên. Tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam, chi phí

này chủ yếu là các khoản chi hội nghị, tiếp khách, văn phòng phẩm, mua đồ ăn cho công nhân khi làm thêm giờ, chi phí vận chuyển trong kho của phân xưởng,… trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

Kế toán tập hợp chi phí khác bằng tiền trên TK 6278 "***Chi phí khác bằng tiền***"

Số liệu này sẽ được tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung làm căn cứ để phân bổ và tính giá thành sản phẩm cuối kỳ.

Cuối kỳ, sau khi thực hiện bút toán kết chuyển chi phí SXC, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu cho ra sổ nhật ký chung ***(phụ lục 2.11)***, sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 627 chung ***(Phụ lục 2.12)***.

Cuối kỳ, khi máy tính sẽ xử lý dữ liệu và thu được bảng tổng hợp chi tiết, đồng thời ta thu được sổ cái TK 627 ***(Phụ lục 2.13).***

2.2.4.4. Tập hợp chi phí sản xuất

Sau khi đã tập hợp chi phí sản xuất trên các tài khoản 621, 622, 627 thì cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tính giá thành sản phẩm.

Cuối kỳ, sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu cho ra các bảng biểu, sổ sách kế toán phục vụ cho công tác quản lý như: Sổ chị phí sản xuất kinh doanh tài khoản 154 ***(Phụ lục 2.14)***, Sổ cái tài khoản 154 ***(Phụ lục 2.15)***.

2.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Ở Công ty cổ phần fortuna Việt Nam không xác định được tỷ lệ phần trăm hoàn thành của các sản phẩm làm dở, mặt khác do đặc điểm chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất (>80%), nguyên vật liệu chính bỏ ngay một lần vào đầu chu kỳ sản xuất. Do đó, Công ty đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng sản phẩm làm dở. Còn chi phí sản xuất chung liên quan đến sản xuất được tính hết cho thành phẩm hoàn thành. Chi phí

nhân công trực tiếp chỉ phân bổ khi sản phẩm hoàn thành nhập kho. Vậy chi phí dở dang của công ty toàn bộ chỉ là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp như sau:

$$\text{SP dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVLTT tồn đầu kỳ + Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Sản phẩm hoàn thành + Sản phẩm dở dang}} \times \text{Sản phẩm dở dang}$$

Tuy nhiên Trong tháng 10/2019 toàn bộ phân xưởng sản xuất đều không có sản phẩm dở dang, toàn bộ chi phí sử dụng hết để tạo ra sản phẩm cuối cùng là ví thẻ để xuất cho đơn đặt hàng của khách từ đầu tháng

2.2.6. Tính giá thành sản phẩm

Do Công ty cổ phần fortuna Việt Nam có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn khép kín, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, đối tượng tính giá thành phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nên Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

Phương pháp tính giá thành giản đơn: căn cứ trực tiếp vào các chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng đối tượng chi phí sản xuất sản phẩm làm dở đầu kỳ và cuối kỳ cũng như khối lượng sản phẩm hoàn thành để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị của sản phẩm.

Giá thành sản phẩm được tính theo công thức:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Giá trị SPDD đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị SPDD cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành sản phẩm đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{}$$

Số lượng SP hoàn thành

Giá thành sản phẩm được phản ánh trên bảng tính giá thành sản phẩm ***(Phụ lục 2.16).***

2.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam trên góc độ kế toán quản trị

2.3.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

**Về phân loại chi phí:*

Công ty chỉ sử dụng cách phân loại chi phí theo các khoản mục trên báo cáo tài chính (cách phân loại chi phí theo kế toán quản trị phân biệt với kế toán tài chính). Nghĩa là chi phí sản xuất được kiểm soát theo các khoản mục giống như kế toán tài chính: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Cách phân loại chi phí này tương đối rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện vì nó có các quy định cụ thể của chế độ kế toán. Tuy nhiên cách phân loại này không thể xây dựng được bài toán kinh doanh dựa trên mô hinh chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

**Về phân loại giá thành sản xuất sản phẩm:* Để so sánh, đối chiếu xem giá thành thực tế đã hoàn thành kế hoạch đề ra hay chưa? Nguyên nhân vì sao? Để đưa ra biện pháp cần thiết để quản lý cho phù hợp, công ty xây dựng và xác định giá thành kế hoạch và giá thành thực tế như sau:

+ Giá thành kế hoạch: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

+ Giá thành thực tế: giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

2.3.2. Xây dựng định mức chi phí

Sản phẩm do phòng kế hoạch – kỹ thuật phụ trách thiết kế và xây dựng định mức.

Đối với chi phí nguyên vật liệu: Căn cứ vào thiết kế sản phẩm đưa ra định mức nguyên vật liệu sản xuất cho từng loại sản phẩm riêng biệt. Định mức nguyên vật liệu được xây dựng theo từng dòng sản phẩm (ví thẻ, ba lô, túi xách) và theo số lượng của từng đơn đặt hàng cụ thể

Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp: Theo quy định của công ty, trích 10% giá bán mỗi sản phẩm vào tiền lương mỗi sản phẩm. Kế toán lương căn cứ kế hoạch sản xuất để đưa ra quỹ lương tháng này. Kế toán lương phân bổ lương khoán cho các phân xưởng sản xuất, nhân viên phụ trách phân xưởng có trách nhiệm khoán cho từng người lao động, từng vị trí công việc.

Xây dựng định mức chi phí sản xuất chung:

+Tại công ty hiện nay thì các nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ sản xuất xuất dùng cho Nhà máy như kéo, dao gọt, mũi khâu, dụng cụ dùng tay,… Khi các nhà máy cần sử dụng, lập đề nghị để giám đốc đồng ý và phó giám đốc phụ trách duyệt mua chuyển phòng vật tư kinh doanh, bàn giao cho đơn vị cần và thanh toán theo chứng từ phát sinh. Công ty không xây dựng định mức hay dự toán cho những chi phí này. Công ty quản lý chi phí này thông qua thủ tục hành chính đó là xét duyệt của giám đốc tới phó giám đốc phụ trách có cần thiết mua không, số lượng là bao nhiêu.... Cách quản lý như vậy cũng rất hiệu quả mà không lãng phí nguồn lực cho việc xây dựng định mức và dự toán.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí này chủ yếu là chi phí về điện và nước. Chi phí này được phòng kế hoạch xây dựng định mức cho từng phân xưởng sản xuất, căn cứ vào kế hoạch sản xuất của từng đơn đặt hàng, chi phí của kỳ trước để tiến hành xây dựng định mức, kiểm soát chi phí.

Công ty không phân biệt định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung. Trong chi phí sản xuất chung, công ty chỉ xây dựng định mức cho chí phí về điện nước để tăng tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước tại các nhà máy, phòng ban

Đây chính là căn cứ để tiến hành chuẩn bị các yếu tố đầu vào phục vụ cho sản xuất sản phẩm và nó được so sánh với chi phí thực tế để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu chi phí, giá thành của sản phẩm sản xuất.

2.3.3. Lập dự toán chi phí sản xuất

Các máy sản phẩm đều được lập dự toán trước khi đưa vào sản xuất.

Việc lập dự toán cho sản phẩm rất quan trọng. Đây là cơ sở cho việc ra quyết định điều chỉnh giá bán, quyết định giá bán đối với các sản phẩm xuất bán theo đơn đặt hàng.

2.3.3.1.Phương pháp lập dự toán sản phẩm tại công ty

Dự toán chi phí sản xuất sản phẩm được coi là tài liệu mật đối với công ty. Vì vậy, trong khuôn khổ luận văn, tác giả xin trình bày về phương pháp lập dự toán ở công ty.

Từ định mức chi phí, kế toán xây dựng dự toán chi phí như sau:

+ Dự toán chi phí nguyên vật liệu sản xuất:

Căn cứ xây dựng: định mức nguyên vật liệu sản xuất (dự trù vật tư), giá nguyên vật liệu theo các hợp đồng mua dài hạn, giá thị trường đối với các nguyên vật liệu khác

Dự toán chi phí nguyên vật liệu được lập theo sản phẩm và theo năm. Công ty lập các báo cáo theo quý nên dự toán ngoài được lập theo năm, theo sản phẩm còn được lập chi tiết theo quý để đối chiếu, so sánh giữa thực tế và dự toán.

+ Dự toán về chi phí nhân công trực tiếp:

Đối với các sản phẩm thông thường, chi phí nhân công trực tiếp căn cứ theo quy định của công ty: 10% giá bán.

Đối với các sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng: căn cứ vào yếu tố kỹ thuật về thời gian hoàn thành sản phẩm, độ khó của sản phẩm.

+ Dự toán về chi phí sản xuất chung:

Chi phí về tiền lương cho các bộ phận quản lý được tính trả lương theo khoán vị trí nên căn cứ vào khoán lương theo vị trí công việc, số lượng cán bộ công nhân viên ở các vị trí, dự kiến tăng hệ số lương năm hiện tại, dự kiến tăng nhân sự năm hiện tại để lập dự toán.

Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ kế toán sẽ ước tính theo số thực tế các năm trước để lập kế hoạch cho năm hiện tại.

Chi phí khấu hao, áp dụng phương pháp khấu hao đều theo số năm sử dụng. Kế toán tập hợp và dự kiến xem năm hiện tại có thêm tài sản mới nào đưa vào bảng tính khấu hao sẽ tìm ra được quỹ khấu hao của năm hiện tại.

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ dựa vào thực tế chi phát sinh các năm trước để lập kế hoạch cho năm hiện tại.

Chi phí sản xuất chung được công ty lập dự toán cho cả năm, sau đó chi tiết cho từng tháng, quý.

2.3.3.2.Phương pháp xác định chi phí sản xuất cho các đối tượng chịu chi phí

Có nhiều phương pháp để xác định chi phí sản xuất, điển hình là phương pháp xác định chi phí sản xuất truyền thống (gồm phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc và phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất) và phương pháp xác định chi phí sản xuất hiện đại (gồm phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo mô hình chi phí mục tiêu và phương pháp xác định sản phẩm dựa trên hoạt động).

Do công ty chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, sản phẩm có tính độc đáo, có giá trị cao, … Với những đặc điểm của sản phẩm, đối tượng tập hợp chi phí trong hệ thống xác định chi phí theo công việc là từng sản phẩm

(từng đơn đặt hàng). Do độ dài thời gian sản xuất cho đơn đặt hàng có thể xác định riêng và không như nhau nên kỳ xác định chi phí là khi đơn đặt hàng hoàn thành. Hiện tại, công ty áp dụng phương pháp xác định chi phí theo công việc.

2.3.3.3.Qui trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành

Giá thành sản phẩm bao gồm ba khoản mục chi phí cơ bản là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Theo mô hình này, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định trên cơ sở phiếu xuất kho nguyên vật liệu hoặc các chứng từ mua trực tiếp của người bán khi vật liệu sử dụng trực tiếp không qua nhập kho. Chi phí nhân công trực tiếp được xác định dựa trên bảng chấm công của công nhân hoặc phiếu giao nhận sản phẩm, hợp đồng giao khoán công việc. Chi phí sản xuất chung được xác định theo bảng chấm công và các loại chứng từ kế toán.

Quá trình phản ánh chi phí sản xuất vào sổ kế toán: Cùng với sự vận động của chứng từ và việc tập hợp chi phí vào phiếu chi phí của từng nhà máy sản xuất, chi phí còn được bộ phận kế toán phản ánh vào các tài khoản kế toán có liên quan.

Phương pháp tập hợp chi phí theo công việc sử dụng các tài khoản sau để phản ánh chi phí sản xuất từ khi phát sinh cho đến khi hoàn thành

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621)

+ Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)

+ Chi phí sản xuất chung (TK 627)

+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (154) và giá vốn hàng bán (TK 632) để phản ánh giá vốn của sản phẩm tiêu thụ ngay.

2.3.3.4.Phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí

Phân tích biến động chi phí sản xuất giúp cho các nhà quản lý nắm được các nguyên nhân, các nhân tố tác động đến tình hình chi phí sản xuất. Từ đó, có các quyết sách đúng đắn để tiết kiệm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện tại, Công ty áp dụng phương pháp so sánh giữa chi phí sản xuất thực tế và dự toán, phân tích giữa kỳ trước và hiện tại để kiểm soát chi phí, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Kiểm soát được thực hiện khi có các thông tin về chi phí cuối năm. Kế toán công ty lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất, dựa trên các dự toán sản xuất sản phẩm kế toán tiến hành so sánh và đánh giá tình hinh thực hiện so với kế hoạch. Kiểm soát được thực hiện thông qua báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC

3.3.3.5. Phân tích thông tin chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ việc ra quyết định kinh doanh

Sau khi thu thập và xử lý các thông tin một cách hiệu quả, kế toán lập các báo cáo sản xuất. Mục đích của lập báo cáo sản xuất là tóm tắt toàn bộ quá trình hoạt động diễn ra liên quan đến tài khoản sản phẩm dở dang của công ty trong một kỳ cho nhà quản lý.

Các báo cáo sản xuất của công ty bao gồm: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo chi phí sản xuất giá thành theo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng Tuy nhiên, hiện nay công ty chưa đi sâu vào kế toán quản trị nên dù có các báo cáo liên quan nhưng thực tế thực hiện không được áp dụng. Các phân xưởng chỉ gửi báo cáo liên quan đến tiến độ sản xuất và tổng hợp một số thông tin chi phí gửi về công ty dưới góc độ Kế toán tài chính.

2.4. Nhận xét, đánh giá về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

2.4.1. Những ưu điểm trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty về cơ bản đã áp dụng một cách đúng đắn chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư Số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về quản lý tài chính trong các doanh nghiệp. hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán đầy đủ theo quy định của Bộ Tài Chính nên việc luân chuyển chứng từ chặt chẽ, dễ hiểu.

Sự trợ giúp của máy tính trong việc hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng đã mang lại hiệu quả cao. Mặc dù áp dụng kế toán máy nhưng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty cổ phần fortuna Việt Nam vẫn tuân thủ chế độ kế toán hiện hành mà Bộ Tài chính quy định cho các doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đồng thời các sổ sách này cũng phù hợp với đặc điểm riêng của công tác hạch toán kế toán tại Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty được bố trí gọn nhẹ, hợp lý, phân công công việc cụ thể rõ ràng. Đội ngũ cán bộ kế toán của công ty có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, luôn luôn cố gắng trau dồi và bổ sung kiến thức cho phù hợp với công tác cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Việc phân loại chi phí sản xuất đã được thực hiện khá rõ ràng theo công dụng kinh tế của chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tính giá thành sản phẩm cuối kỳ.

Về đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Công ty đã xác định được đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành hợp lý với đặc điểm quy trình sản xuất và đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty. Cụ thể

là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty là tại phân xưởng sản xuất và đối tượng tính giá thành là sản phẩm ống nhựa hoàn thành nhập kho. Việc xác định đúng đắn và khoa học đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phẩm có ý nghĩa quan trọng trong công tác tính giá thành sản phẩm.

Về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cơ bản phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đã đảm bảo đầy đủ và phù hợp với các khoản mục chi phí, hệ thống sổ sách kế toán.

Về phương pháp tính giá thành sản phẩm: Công ty sử dụng phương pháp giản đơn là phù hợp với quy trình công nghệ khép kín của Công ty.

Hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản sử dụng, hệ thống sổ và báo cáo kế toán chi phí sản xuất, giá thành cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của kế toán tài chính.

Công tác xây dựng định mức chi phí sản xuất đã được công ty chú trọng xây dựng dựa trên quy trình công nghệ thực tế tại công ty. Công ty đã xây dựng định mức về nguyên vật liệu tiêu hao, chi phí nhân công trực tiếp và một bộ phận chi phí sản xuất chung. Điều này góp phần giúp công ty tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác xây dựng dự toán của Công ty bám sát với tình hình thực tế và định mức đã xây dựng, những chi phí không xây dựng định mức thì Công ty xây dựng dự toán dựa trên số liệu thực tế phát sinh các kỳ trước. Đó là những căn cứ rất khoa học và thực tế. Vì vậy dự toán có tính ứng dụng cao trong công tác quản lý chi phí sản xuất tại Công ty.

Tóm lại, việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty cổ phần fortuna Việt Nam đã đáp ứng được yêu cầu quản lý ở Công ty, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm thì trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty vẫn còn một số tồn tại sau:

Về luân chuyển chứng từ: Các chứng từ kế toán của công ty đều phù hợp với nguyên tắc chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên, việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị và phòng kế toán công ty diễn ra còn chậm, gây ra tình trạng phản ánh số liệu kế toán không kịp thời và thiếu sự linh hoạt, chính xác.

Về công tác kế toán chi phí nhân công trực tiếp: Hiện nay số lượng công nhân tham gia vào quá trình sản xuất lớn nhưng Công ty chưa tiến hành trích trước chi phí nghỉ phép cho công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất. Điều này ảnh hưởng đến phần chi phí của Công ty trong các đợt nghỉ lễ, lượng công nhân nghỉ phép nhiều làm tăng chi phí trong kỳ.Chi phí nhân công trực tiếp chỉ tính cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ, không tính dở dang hàng tháng, trích tiền lương vào sản phẩm lại dựa trên giá bán sản phâm và tỷ lệ quy định của Công ty, mặt khác lương tính cho công nhân lại là lương khoán sản phẩm. Vì vậy mà chi phí nhân công trích từ lương của công nhân sản xuất và chi phí nhân công trực tiếp trích vào sản phẩm hàng tháng chênh lệch một lượng đáng kể. Độ chênh lệch này tuỳ thuộc vào lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Do đó giá thành tập hợp trong kỳ không phản ánh đúng chi phí bỏ ra

Về chi phí sản xuất chung*:*Tất cả các chi phí phát sinh ở các nhà máy phục vụ cho sản xuất trong kỳ đều được hạch toán vào chi phí sản xuất chung trong kỳ, Công ty không bóc tách chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi. Vì thế mà chi phí sản xuất chung đều được phân bổ hết vào chi phí sản xuất của mỗi sản phẩm, việc phân bổ toàn bộ chi phí sản xuất chung vào chi phí sản xuất sản phẩm sẽ làm tổng chi phí sản xuất cao hơn so với thực tế, làm cho việc tính giá thành không được chính xác. Mặc dù có những sản phẩm được sản xuất trong nhiều tháng nhưng chi phí sản xuất chung chỉ phân bổ cho những sản

phẩm hoàn thành trong tháng, không tính dở dang cho những sản phẩm khác. Do đó việc phân bổ này không đánh giá đúng chi phí sản xuất chung tính vào giá thành sản phẩm.

Về kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*:* Công ty chưa kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong lĩnh vực chi phí và giá thành. Công ty chỉ mới tiến hành kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, chưa xác định được mô hình kế toán quản trị trong lĩnh vực chi phí. Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ dựa vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn chi phí nhân công và sản xuất chung chỉ tính cho sản phẩm hoàn thành trong tháng. Điều này chưa phản ánh đúng chi phí sản xuất tính vào giá thành sản phẩm

Công ty không theo dõi và đánh giá thiệt hại trong sản xuất dẫn đến một mặt không phản ánh chính xác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, mặt khác không đánh giá được năng lực cũng như trách nhiệm quản lý vật chất thiệt hại.

Về công tác xây dựng định mức và dự toán: Hiện nay, hệ thống định mức chi phí của công ty chưa đầy đủ, hầu hết chỉ xây dựng được định mức về lượng mà chỉ tập trung vào định mức về nguyên vật liệu. Về việc lập dự toán sản xuất, công ty cũng đã tiến hành nhưng còn đơn giản. Hệ thống định mức và lập dự toán sản xuất được xây dựng chỉ để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm của kế toán tài chính. Như vậy có thể thấy rằng, công ty chưa thiết lập công tác kế toán quản trị phục vụ quản trị chi phí, giá thành có thể đã thiết lập nhưng còn quá đơn giản và không đầy đủ. Chính vì vậy mà chưa xây dựng được mối liên hệ cung cấp thông tin giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc kiểm soát chi phí và ra các quyết định kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tóm lại, thông qua việc nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm da tại Tổng Công ty CP Fortuna Việt Nam dưới cả hai góc độ: Kế toán tài chính và Kế toán quản trị, tác giả đã đưa ra những đánh giá chung về những kết quả đạt được cũng như một số tồn tại của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty. Đây là những cơ sở thực tiễn giúp cho việc đưa ra một số đề xuất và một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam sẽ được đề cập ở Chương 3.

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FORTUNA VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam

Là một doanh nghiệp sản xuất hạch toán kinh tế độc lập, Tổng Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam thấy được tầm quan trọng của việc tổ chức hạch toán chính xác chi phí sản xuất cũng như tính đúng, tính đầy đủ giá thành. Kế toán chi phí sản xuất không chỉ là việc tổ chức ghi chép phản ánh đầy đủ trung thực về mặt số lượng, chi phí mà cả việc tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc và phản ánh từng loại chi phí theo từng thời điểm phát sinh, thời điểm xảy ra, xác định đúng đối tượng chi phí. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giúp cho các nhà quản lý tính toán chính xác chi phí đầu vào cũng như kết quả đầu ra, lãi, lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Điều này giúp cho ban lãnh đạo tổng công ty luôn chủ động trong quản lý chi phí sản xuất, phát hiện những khoản chi phí không hợp lý, những khoản chi phí lãng phí không mang lại hiệu quả. Kế hoạch giá thành là một trong những chỉ tiêu kinh tế có vai trò quan trọng trong kế hoạch sản xuất kỹ thuật và tài chính. Nó là căn cứ để xác định và tính định mức hạ giá thành, tỷ lệ hạ giá thành, từ đó làm cơ sở để phân tích tình hình giá thành thực tế của công ty, tìm ra những thiếu xót, đưa ra những biện pháp hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty.

Qua tìm hiểu thực tế tại Công ty, tác giả đã nhận thấy một số tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm da tại Công ty dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị mà công ty có thể hoàn thiện để công

tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được chính xác, đầy đủ, kịp thời và phù hợp với thực tế tại Công ty, giúp Công ty đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

Vì vậy việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Tổng Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam là rất cần thiết.

*** Những yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

Phải tuân thủ văn bản luật, quy định, chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành. Bởi các văn bản đó hướng dẫn cho các doanh nghiệp một cách thống nhất, dễ dàng cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi doanh nghiệp có thể cụ thể hóa và vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm lĩnh vực kinh doanh của mình.

Phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy mô của doanh nghiệp, khả năng trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán. Mỗi cách tổ chức đều cần có điều kiện riêng biệt, đó là điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ công nhân viên,…

Phải đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giúp nhà lãnh đạo doanh nghiệp thuận lợi cho việc chỉ đạo và ra quyết định.

Yêu cầu đảm bảo tính hiệu quả, phải cân nhắc đến các điều kiện khả thi để thực hiện các giải pháp, đảm bảo hài hòa giữa chi phí bỏ ra và lợi ích đem lại.

Việc hoàn thiện phải kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa Kế toán tài chính và Kế toán quản trị.

*** Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Fortuna Việt Nam.**

Nguyên tắc khoa học, hợp lý: Nguyên tắc khoa học phải đảm bảo từ việc xác định, xây dựng mô hình tổ chức đến xác định nội dung, phạm vi của công tác kế toán chi phí và giá thành; nguyên tắc hợp lý đòi hỏi không chỉ dừng lại ở việc bố trí cơ cấu, phân công công việc một cách hợp lý mà còn phải xác định được mối quan hệ giữa các bộ phận kế toán với nhau, giữa kế toán với chức năng ăcquản lý, kiểm soát doanh nghiệp.

Nguyên tắc phù hợp: Nguyên tắc này đòi hỏi việc hoàn thiện kế toán chi phí, giá thành phải phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ quản lý và yêu cầu sử dụng thông tin của nhà lãnh đạo doanh nghiệp.

Nguyên tắc kế thừa: Theo nguyên tắc này, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải dựa trên cơ sở kế thừa những ưu điểm đã đạt được trước đây trong việc tổ chức thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh cũng như phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính.

Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả: Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo hài hòa giữa lợi ích thu được và chi phí để tổ chức và hoạt động. Vì mục đích của kế toán chi phí cũng là nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, quản lý kinh doanh.

Nguyên tắc khả thi: Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo tính khả thi của doanh nghiệp. Nếu các giải pháp không được áp dụng một cách dễ dàng thì tính khả thi không được áp dụng. Do đó tính thực tiễn của mô hình không được đảm bảo.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam dưới góc độ kế toán tài chính.

Trong thời gian tìm hiểu, nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty CP Fortuna Việt Nam, em nhận thấy bên cạnh những ưu điểm đạt được Công ty vẫn còn có những mặt hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Em xin đóng góp một số ý kiến để hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty:

Về hoàn thiện luân chuyển chứng từ: Để khắc phục tình trạng luân chuyển chứng từ chậm trễ dẫn đến hậu quả là công việc dồn ép vào cuối kỳ, dễ mắc phải những sai lầm, thiếu sót trong tính toán, không cập nhật sổ sách đúng quy định thì công ty có thể đôn đốc các nhân viên thống kê phân xưởng nộp chứng từ về phòng kế toán công ty theo đúng thời gian quy định, đưa ra hình thức khiển trách và kỷ luật đối với các trường hợp không tuân thủ đúng đồng thời khuyến khích động viên cán bộ nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực chủ động, sáng tạo trong lao động bằng các hình thức khen thưởng phù hợp. Ngoài ra, công ty cũng nên cử nhân viên thường xuyên xuống các nhà máy để giám sát, kiểm tra việc ghi chép, cập nhật chứng từ nhằm phát hiện và ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra.

Trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm: Hiện nay, Công ty chưa tiến hành trích trước chi phí tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất nên khi có công nhân nghỉ phép nhiều vào kỳ đó thì chi phí sản xuất tăng lên làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Để đảm bảo tính hợp lý trong khoản mục chi phí, công ty nên tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân viên. Kế toán nên tính toán và xác định khoản tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất căn cứ vào tiền lương nghỉ phép đã trả

cho công nhân trực tiếp sản xuất nghỉ phép năm trước và số ngày nghỉ phép theo kế hoạch năm nay để trích lập một cách chính xác.

Bóc tách chi phí sản xuất chung thành chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi: Chi phí sản xuất chung là khoản chi phí đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ bởi nó phát sinh thường xuyên và liên quan trực tiếp đến nhiều đối tượng. Hiện tại ở Công ty các khoản chi phí chung đều được tập hợp vào chi phí sản xuất sản phẩm trong kỳ làm cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành thiếu tính chính xác. Công ty nên phân loại chi phí thành chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi.

+ Đối với chi phí sản xuất chung biến đổi: được phân bổ hết vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, …

+Đối với chi phí sản xuất chung cố định: là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất như chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, … và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến của sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất.

+Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra cao hơn công suất bình thường của máy móc thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh. Cuối kỳ kết chuyển chi phí này vào giá thành sản phẩm.

+Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định chỉ được phân bổ vào chi phí cho mỗi đơn vị sản phẩm theo công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

+Trường hợp chi phí sản xuất chung mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố cố định và yếu tố biến đổi, thì xếp vào loại chi phí hỗn hợp như: chi phí thuê xe, thuê bãi; chi phí tiền điện, nước; chi phí điện thoại,... Để kiểm soát chi phí này nên phân tách thành định phí và biến phí.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ: Theo quy định NVLTT dùng sản xuất sản phẩm chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm thì có thể tính chi phí sản phẩm dở dang theo chi phí NVLTT. Nhưng do sản phẩm của Công ty thường được sản xuất theo đơn đặt hàng, tùy thuộc và mỗi đơn hàng khác nhau, nếu đơn hàng có số lượng lớn, có thời gian sản xuất dài nếu chỉ tính cho NVLTT như vậy sẽ không hoàn toàn chính xác. Theo em nên đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương, tức là dựa trên cả ba khoản mục chi phí là NVLTT, NCTT, SXC trong đó khoản mục chi phí NVL phụ (TK 6212), NCTT, SXC được đánh giá dựa trên số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Kế toán tính toán dở dang cho từng sản phẩm theo tháng cho đến khi sản phẩm hoàn thành trong tháng. Với cách tính này Chi phí nhân công thực tế phát sinh với chi phí nhân công trích vào cho từng sản phẩm sẽ bằng nhau, không có sự chênh lệch hàng tháng.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam dưới góc độ kế toán quản trị.

Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu thông tin cung cấp của kế toán ngày càng đa dạng và phức tạp. Các nhà quản trị doanh nghiệp trong cơ chế kinh tế thị trường cần có các công cụ quản lý hữu hiệu các chi phí đã bỏ ra trong quá trình sản xuất, yêu cầu cung cấp thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá, lập dự toán và ra các quyết định quản lý phù hợp. Và kế toán quản trị chính là một công cụ đánh giá việc thực hiện các mục tiêu thông qua việc phân tích các chi phí, là công cụ kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch

đề ra. Từ đó, có các quyết định hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Về tổ chức bộ máy kế toán để có vị trí của kế toán quản trị

Công ty cần có bộ phận kế toán quản trị riêng hoặc kết hợp giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính theo từng phần hành. Hình thức tốt nhất là mô hình kế toán tách rời. Trong công ty nên có một phòng kế toán quản trị riêng hoặc có thể kết hợp với ban kinh doanh để phục vụ cho việc phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát chi phí cũng như hiệu quả của việc đầu tư vào các dự án.

Đặc biệt, cần có thay đổi nhận thức của lãnh đạo công ty về vai trò của kế toán quản trị. Các nhà quản trị cần phải hiểu được kế toán quản trị có vai trò quan trọng như thế nào trong quá trình ra quyết định và dẫn dắt doanh nghiệp của mình đến thành công; những hạn chế của thông tin kế toán nếu sử dụng không đúng. Khi thay đổi được nhận thức của các nhà quản trị để họ thấy được kế toán quản trị quan trọng như thế nào thì vai trò và việc áp dụng kế toán quản trị tại doanh nghiệp mới được chú trọng.

Về việc xây dựng hệ thống định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Việc xây dựng hệ thống định mức CPSX tiêu hao nguyên vật liệu sát với thực tế tình hinh sản xuất kinh doanh và giá cả thị trường. Giải pháp hoàn thiện xây dựng định mức tiêu hao NVL:

Bước 1: Thu thập và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến định mức trong đó đặc biệt chú ý tới kết cấu kỹ thuật của sản phẩm, đặc điểm của máy móc thiết bị, trình độ kỹ thuật của công nhân, số liệu về tình hình thực hiện của kỳ báo cáo.

Bước 2: Phân tích từng thành phân trong cơ cấu định mức và các nhân tổ ảnh hưởng tới định mức. Tìm giải pháp xóa bỏ mọi lãng phí, khắc phục các khuyết tật về công nghệ, cái tiến thiết kế sản phẩm để tiết kiệm định mức NVL.

Bước 3: Tổng hợp các thành phần trong cơ cấu định mức, tính hệ số sử dụng, đề ra biện pháp phấn đấu giảm trong kỳ kế hoạch.

Về tổ chức hệ thống dự toán chi phí

Dự toán là một kế hoạch chi tiết được lập cho một kỳ hoạt động trong tương lai, biểu hiện dưới hình thức định lượng (số lượng và giá trị), chỉ ra việc huy động các nguồn lực và việc sử dụng chúng trong thời kỳ đó. Dự toán là một công cụ của nhà quản lý, được sử dụng trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hoạt động. Lập dự toán là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp sản xuất, đòi hỏi các quy trình tương đối phức tạp. Do đó, nếu khâu dự toán được lập chính xác thì sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí. Tác dụng to lớn của việc lập dự toán thể hiện trong các vấn đề như:

- Giúp kiểm tra và giám sát được các khoản chi phí cho từng bộ phận sản xuất, cụ thể sau khi thực tế sản xuất có thể đối chiếu so sánh với dự toán để làm căn cứ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Giúp dự báo được những vấn đề khó khăn trong quá trình sản xuất, quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.
- Căn cứ vào dự toán, nhà quản trị sẽ có kế hoạch huy động nguồn lực một cách phù hợp và tránh lãng phí.

Công ty cần thực hiện những biện pháp sau để hoàn thiện công tác kế toán quản trị, nâng cao việc kiểm soát chi phí, giảm chi phí cho doanh nghiệp:

- Cần phân công việc lập dự toán chi phí cho từng bộ phận liên quan, bộ phận vật tư đưa ra định mức nguyên vật liệu đối với từng sản phẩm, lập dự toán linh hoạt để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu tăng giảm do giá cả tăng hay do định mức nguyên vật liệu thay đổi, từ đó tìm ra nguyên nhân, đề xuất phương án và khắc phục.

- Công ty cần lập báo chi phí sản xuất đối với từng sản phẩm cũng như từng đơn hàng, ngoài ra cần so sánh chi phí sản xuất của sản phẩm từng kỳ với nhau, giải thích nguyên nhân có sự chênh lệch chi phí giữa các kỳ.

Mặc dù công ty có lập báo cáo quản trị, tuy nhiên việc lập này không thường xuyên, dẫn đến tình trạng nhà quản trị không nắm bắt kịp thời và đưa ra quyết định thiếu đúng đắn. Do vậy, công ty cần lập báo cáo quản trị đối với tất cả các đơn hàng.

Đối với dự toán chi phí nhân công trực tiếp, doanh nghiệp đang tính dự toán 10% theo giá bán máy. Điều này tạo thuận tiện cho việc tính dự toán, tuy nhiên chưa thực sự hợp lý nếu áp dụng cho tất cả các loại máy cũng như giá bán máy có sự thay đổi tùy từng khách hàng. Do vậy công ty cần căn cứ vào các kỳ trước, để xây dựng định mức chi phí nhân công đối với từng loại sản phẩm

3.3. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Fortuna Việt Nam

3.3.1. Về phía nhà nước

- Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế, tài chính, hoàn thiện chế độ kế toán hiện nay sao cho vừa phù hợp với nền kinh tế thị trường trong điều kiện Việt Nam, vừa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế.

- Cần có sự thống nhất về quan điểm, nội dung, chương trình giảng dạy về kế toán tại các trường Đại học, Cao đẳng, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm tổ chức kế toán của các nước phát triển vào chương trình giảng dạy nhằm cung cấp những kiến thức bổ ích cho nguồn nhân lực làm công tác kế toán trong tương lai.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn kế toán. Đối với các doanh nghiệp có đội ngũ kế toán chưa đủ trình độ thì việc tư vấn của các tổ chức dịch vụ là chìa khóa để doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc và tổ chức công tác kế toán tốt hơn.

- Bộ chủ quản cần tham khảo công tác kế toán nói chung, công tác kế toán

chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng ở các Công ty nước ngoài, đặc biệt là các Công ty có tổ chức tốt kế toán quản trị để nghiên cứu rút kinh nghiệm, từ đó tổ chức hướng dẫn vận dụng vào các doanh nghiệp thuộc ngành mình quản lý.

- Tăng cường các cuộc hội thảo giữa các Công ty, nhà máy để trao đổi cách thức tổ chức quản lý, kiểm soát chi phí, sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp… góp phần từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

3.3.2 Về phía doanh nghiệp

Để có thể hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam và để thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, kế toán Công ty cần thực hiện tốt những điều sau:

- Cần phải xem xét lại một cách nghiêm chỉnh những vấn đề tồn tại được nêu ra để từ đó đánh giá đúng được tình hình, đồng thời xem xét nghiêm túc những giải pháp được đề cập.

- Công ty nên tìm hiểu các đối thủ cạnh tranh và thị trường tiềm năng. Cầm tìm hiểu các thông tin liên quan đến các đối thủ cạnh tranh như thị trường hoạt động, các loại sản phẩm tiềm năng, giá cả và các vấn đề khác. Thường xuyên quan tâm đến thị trường các loại NVL để phục vụ cho công tác thu mua NVL với giá cả hợp lý.

- Tăng cường kiểm soát chi phí qua hệ thống định mức và dự toán chi phí sản xuất. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí tại các bộ phận, thường xuyên lập báo cáo bộ phận và toàn bộ đơn vị để tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Bộ máy kế toán của Công ty cần được bổ sung thêm về số lượng để có thể đáp ứng được khối lượng công việc phát sinh trong tháng, theo dõi và phản ánh kịp

thời các nghiệp vụ phát sinh, lập các báo cáo nhanh chóng và chính xác hơn. Bên cạnh đó, các nhân viên kế toán cần được trau dồi về kiến thức chuyên môn thường xuyên hơn.

- Công ty nên trang bị thêm máy tính cho phòng kế toán để phục vụ cho công tác kế toán được thuận tiện, hiệu quả và chính xác hơn.

- Tăng cường kế toán quản trị

Hiện nay, công tác kế toán quản trị của Công ty chưa được chú trọng. Các tài liệu, báo cáo kế toán chủ yếu là để cung cấp thông tin cho những người ngoài Công ty như ngân hàng, các cơ quan chứ năng,… Điều nay gây khó khăn cho việc cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp để lập kế hoạch, chỉ đạo, thúc đẩy và kiểm soát.

Các nhà quản lý Công ty nên nhìn nhận rõ vai trò quan trọng của kế toán quản trị và áp dụng vào Công ty để từ đó thực hiện các chức năng của nhà quản trị như xây dựng các quyết định về giá bán sản phẩm, kiểm soát chi phí, quy mô sản xuất, tiếp nhận hay từ chối một đơn hàng sản xuất,…Các nhà quản trị nên xác định nội dung của kế toán quản trị như:

- Phân loại chi phí trong Công ty theo yêu cầu của kế toán quản trị. Đây là cơ sở cho việc lập dự toán chi phí, tập hợp chi phí từng bộ phận và phân tích thông tin chi phí.

- Phân tích thông tin chi phí phục vụ quá trình quyết định của nhà quản trị bao gồm: phân tích mối quan hệ giữa doanh thu - chi phí - lợi nhuận giúp các nhà quản lý lựa chọn các quyết định về giá bán sản phẩm, khối lượng sản phẩm sản xuất,… nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn.

- Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh. Đây là cơ sở kiểm soát, đánh giá chi phí và dự toán các nguồn lực cung ứng cho doanh nghiệp.

Như vậy, để thực hiện tốt chức năng của kế toán quản trị, Công ty nên xây dựng một hệ thống quản trị phù hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở Chương 1, Chương 2, luận văn đã khẳng định cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam. Luận văn đã đưa ra các nguyên tắc cũng như nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam trên các khía cạnh kế toán tài chính và kế toán quản trị

Những nội dung hoàn thiện được nghiên cứu một cách khoa học dựa trên cơ sở đánh giá khách quan về thực trạng công tác kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty CP Fortuna Việt Nam mà tác giả luận văn đã khảo sát thực tế. Các nội dung hoàn thiện trong bài viết vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể. Với mục đích giúp cho công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Fortuna Việt Nam thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, khoa học và hiệu quả.

Đồng thời luận văn đã chỉ rõ các điều kiện và biện pháp chủ yếu về phía Nhà nước và phía doanh nghiệp nhằm thực hiện các giải pháp đã đề ra.

KẾT LUẬN

Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hai chỉ tiêu kinh tế cơ bản phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tính đúng tính đủ giá thành dựa trên cơ sở của công tác hạch toán chính xác chi phí sản xuất. Điều đó khẳng định lại ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nói chung và tính giá thành sản phẩm trong Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam nói riêng.

Nghiên cứu đề tài *"Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam"*, luận văn đã thực hiện được các nội dung sau:

- Luận văn đã trình bày một cách có hệ thống những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất, đặt tiền đề để đánh giá thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam.

- Luận văn đã phân tích được thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam. Qua đó nêu rõ các ưu điểm và nhược điểm chủ yếu trong tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn luận văn chỉ rõ nguyên tắc, nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Fortuna Việt Nam, cũng như đưa ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện các nội dung hoàn thiện đó…

Hoàn thành bản luận văn này, tác giả hy vọng rằng những giải pháp nêu ra sẽ được thể nghiệm trong thực tế, góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị nghiên cứu. Tuy nhiên do thời gian và trình độ có hạn, chắc chắn luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định, tác giả rất mong được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy cô và đồng nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

2. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (2008) - Quyển 1, Quyển 2. NXB Thống Kê

4.Nguyễn Văn Công (2010), *Lý thuyết và thực hành Kế toán tài chính,* NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

5.Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy, *Kế toán doanh nghiệp*, NXB Thống kê

6.Phan Đức Dũng (2010), *Kế toán chi phí giá thành*, NXB Thống kê

7.Đại học Lao động xã hội, *Giáo trình kế toán quản trị.*

8.Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Ngọc Quang, *Giáo trình kế toán quản trị*

9.Nguyễn Thị Đông (2007) "*Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán*", NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân

10.Nghiêm Văn Lợi (2011), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.

11.Đặng Thị Loan (2013), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp,* NXB Thống kê.

12.Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB Tài chính

PHỤ LỤC